

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ  
XÂY DỰNG TIỀN GIANG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

---

**MỤC LỤC**

	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 67

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Hội đồng Quản trị và Ban điều hành, quản lý Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày từ nhiệm</u>
<b><u>Hội đồng Quản trị</u></b>			
Ông Lê Vinh Hiền	Chủ tịch	29/4/2017	
Ông Trần Hoàng Huân	Thành viên	29/4/2017	
Bà Nguyễn Thị Hương	Thành viên	29/4/2017	
Ông Vũ Huy Giáp	Thành viên	29/4/2017	
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Thành viên	29/4/2017	
<b><u>Ban kiểm soát</u></b>			
Ông Trương Bích Huyền	Trưởng ban	29/4/2017	
Ông Phan Trọng Liêm	Thành viên	29/4/2017	
Bà Phạm Xuân Lan	Thành viên	29/4/2017	
<b><u>Ban Tổng Giám đốc</u></b>			
Ông Trần Hoàng Huân	Tổng Giám đốc	29/4/2017	
Ông Nguyễn Hữu Hiệp	Phó Tổng Giám đốc	01/02/2014	
Ông Vũ Huy Giáp	Phó Tổng Giám đốc	01/02/2014	
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc	01/8/2014	

### ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này là ông Trần Hoàng Huân, chức danh Tổng Giám đốc Công ty.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về các Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính hợp lý và thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính hợp nhất;

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm trong việc bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



**TRẦN HOÀNG HUÂN - Tổng Giám đốc**

Tiền Giang, ngày 27 tháng 3 năm 2019

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang, được lập ngày 27 tháng 3 năm 2019, từ trang 6 đến trang 67 bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu Chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà Chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của Chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của Chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)**

---

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2019

**Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt**



---

**VÕ THẾ HOÀNG - Tổng Giám đốc**  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0484-2018-037-1

---

**NGUYỄN CAO HOÀI THU - Kiểm toán viên**  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0474-2018-037-1

**Nơi nhận:**

- Như trên
- Lưu Vietland

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

MẪU B01-DN/HN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	31/12/2017
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>601.193.961.744</b>	<b>510.178.188.862</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>109.323.886.902</b>	<b>130.922.245.694</b>
1. Tiền	111		42.578.142.981	35.184.863.452
2. Các khoản tương đương tiền	112		66.745.743.921	95.737.382.242
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>19.576.447.726</b>	<b>37.854.563.187</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	19.576.447.726	37.854.563.187
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>264.980.357.671</b>	<b>202.639.927.855</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	200.096.055.524	177.408.400.966
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	39.585.840.214	11.332.244.423
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	V.5	2.125.217.631	3.052.783.288
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	47.759.550.201	34.083.824.948
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(24.586.305.899)	(23.237.325.770)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.8</b>	<b>198.759.855.102</b>	<b>137.962.672.598</b>
1. Hàng tồn kho	141		199.127.295.684	138.330.113.180
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(367.440.582)	(367.440.582)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>8.553.414.343</b>	<b>798.779.528</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	107.974.440	214.772.727
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		8.293.901.149	494.103.025
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.17	151.538.754	89.903.776
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>371.273.132.111</b>	<b>350.772.598.460</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>770.791.230</b>	<b>105.900.000</b>
Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	770.791.230	105.900.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>291.423.121.996</b>	<b>186.034.433.613</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	278.164.722.819	183.865.164.363
Nguyên giá	222		492.269.870.460	388.227.616.376
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(214.105.147.641)	(204.362.452.013)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	13.258.399.177	2.169.269.250
Nguyên giá	228		14.072.271.816	2.821.818.560
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(813.872.639)	(652.549.310)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>V.12</b>	<b>20.309.751.801</b>	<b>1.536.418.520</b>
Nguyên giá	231		20.865.605.765	1.580.316.192
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(555.853.964)	(43.897.672)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>33.435.329.118</b>	<b>121.359.332.040</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	33.435.329.118	121.359.332.040
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>7.411.436.039</b>	<b>22.990.141.034</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	395.466.852	349.586.034
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2a	7.015.969.187	22.640.555.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>17.922.701.927</b>	<b>18.746.373.253</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	13.728.099.656	9.583.558.000
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.14	4.194.602.271	9.162.815.253
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>972.467.093.855</b>	<b>860.950.787.322</b>

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	31/12/2017
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>623.100.818.775</b>	<b>539.286.633.474</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>542.092.404.150</b>	<b>422.397.109.705</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	160.651.273.194	114.346.991.599
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	71.346.962.711	42.719.127.507
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17	17.088.902.933	10.394.301.801
4. Phải trả người lao động	314		17.564.817.277	23.722.681.917
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	40.246.800.588	49.766.540.411
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.19	1.859.545.455	24.021.714.199
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.20a	4.261.503.392	13.654.312.365
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.21a	205.880.470.602	132.744.733.913
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.22	5.238.910.978	5.709.895.345
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.23	17.953.217.020	5.316.810.648
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>81.008.414.625</b>	<b>116.889.523.769</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.20b	577.740.000	225.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.21b	80.430.674.625	116.664.523.769
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>349.366.275.080</b>	<b>321.664.153.848</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.24</b>	<b>349.366.275.080</b>	<b>321.664.153.848</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		131.997.690.000	119.999.070.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>131.997.690.000</i>	<i>119.999.070.000</i>
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5.700.930.000	5.700.930.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		62.982.165.580	44.990.117.493
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		142.095.208.046	146.662.230.499
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	<i>421a</i>		<i>65.421.503.535</i>	<i>53.810.476.571</i>
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		<i>76.673.704.511</i>	<i>92.851.753.928</i>
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		6.590.281.454	4.311.805.856
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>972.467.093.855</b>	<b>860.950.787.322</b>



Tiền Giang, ngày 27 tháng 3 năm 2019

TRẦN HOÀNG HUÂN  
Tổng Giám đốc

  
LÊ MỸ PHƯỢNG  
Kế toán trưởng

  
LÊ MỸ PHƯỢNG  
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018


**MÀU B02-DN/HN**


Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm	
			2018	2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		960.464.544.579	909.853.604.471
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		3.777.356.364	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	<b>VI.1</b>	<b>956.687.188.215</b>	<b>909.853.604.471</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	730.035.133.585	683.567.927.841
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>226.652.054.630</b>	<b>226.285.676.630</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	8.085.389.016	9.954.433.551
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	14.610.991.530	7.626.299.870
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		14.609.086.857	7.623.489.285
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	V.2b	111.979.865	87.023.061
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	87.455.073.956	68.040.880.896
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	35.991.735.034	49.611.949.063
<b>11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>96.791.622.991</b>	<b>111.048.003.413</b>
12. Thu nhập khác	31		2.739.385.502	3.028.540.675
13. Chi phí khác	32		495.287.089	3.811.912.600
<b>14. Lợi nhuận (lỗ) khác</b>	<b>40</b>	<b>VI.7</b>	<b>2.244.098.413</b>	<b>(783.371.925)</b>
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>99.035.721.404</b>	<b>110.264.631.488</b>
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	17.027.504.965	18.345.540.128
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.14	3.494.230.474	91.807.451
<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>78.513.985.965</b>	<b>91.827.283.909</b>
<b><i>Trong đó:</i></b>				
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		76.673.704.511	92.851.753.928
Lợi nhuận (lỗ) sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		1.840.281.454	(1.024.470.019)
<b>19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>VI.9a</b>	<b>5.702</b>	<b>7.273</b>
<b>20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>71</b>	<b>VI.9b</b>	<b>5.702</b>	<b>7.273</b>

Tiền Giang, ngày 27 tháng 3 năm 2019


  
**TRẦN HOÀNG HUÂN**  
 Tổng Giám đốc


  
**LÊ MỸ PHƯỢNG**  
 Kế toán trưởng


  
**LÊ MỸ PHƯỢNG**  
 Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**MẪU B03-DN/HN**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		99.035.721.404	110.264.631.488
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		35.180.445.271	24.739.136.043
- Các khoản dự phòng	03		3.520.722.464	3.680.454.802
- Lỗ/ (Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		758.079	(7.616.224)
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(8.749.683.899)	(11.843.255.836)
- Chi phí lãi vay	06		14.609.086.857	7.623.489.285
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		143.597.050.176	134.456.839.558
- Tăng các khoản phải thu	09	VII	(83.047.911.876)	(12.655.519.594)
- Tăng hàng tồn kho	10		(63.978.717.335)	(15.903.703.170)
- Tăng/ (Giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	VII	45.861.141.435	(5.181.677.902)
- Tăng chi phí trả trước	12		(4.897.031.661)	(4.136.055.329)
- Tiền lãi vay đã trả	14	VII	(18.179.836.254)	(10.140.177.488)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(11.943.053.077)	(19.070.449.703)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2.198.118.000)	(9.559.814.800)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		<b>5.213.523.408</b>	<b>57.809.441.572</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	VII	(76.655.082.174)	(143.862.301.583)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		2.483.636.362	1.250.970.909
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(19.134.678.297)	(11.092.112.474)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		51.837.379.571	44.259.582.292
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	VII	10.084.100.000	10.000.000.000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VII	7.761.169.672	10.145.202.343
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		<b>(23.623.474.866)</b>	<b>(89.298.658.513)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		458.848.753.765	538.245.514.099
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(421.946.866.220)	(429.732.818.269)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	VII	(40.089.536.800)	(47.999.628.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40		<b>(3.187.649.255)</b>	<b>60.513.067.830</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	50		<b>(21.597.600.713)</b>	<b>29.023.850.889</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	60		<b>130.922.245.694</b>	<b>101.890.778.581</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(758.079)	7.616.224
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	70	V.1	<b>109.323.886.902</b>	<b>130.922.245.694</b>

Tiền Giang, ngày 27 tháng 3 năm 2019



TRẦN HOÀNG HUÂN  
Tổng Giám đốc

LÊ MỸ PHƯỢNG  
Kế toán trưởng

LÊ MỸ PHƯỢNG  
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

# BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

MẪU B 09-DN/HN

## I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang (tên tiếng Anh là Tien Giang Investment and Construction Joint Stock Company, tên viết tắt là TICCO) tiền thân là Công ty Xây dựng Thủy lợi Tiền Giang, được cổ phần hóa theo Quyết định số 5017/QĐ-UB của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang ban hành ngày 5 tháng 12 năm 2003. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5303000020 (số mới là 1200526842) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 2004, thay đổi đến lần thứ 15 ngày 12 tháng 7 năm 2018.

Cổ phiếu của Công ty được phép niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 28 tháng 7 năm 2011 với mã chứng khoán là THG.

- **Vốn điều lệ** : 131.997.690.000 VND  
Số cổ phiếu : 13.199.769 cổ phiếu  
Mệnh giá : 10.000 VND/cổ phiếu

- **Trụ sở hoạt động**

Trụ sở hoạt động chính

Địa chỉ : Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

Điện thoại : (0273) 3 872 878

Fax : (0273) 3 850 597

Website : www.TICCO.com.vn

Email : TICCO@TICCO.com.vn

Mã số thuế : **1 2 0 0 5 2 6 8 4 2**

Chi nhánh

Tên Chi nhánh : Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang - Sàn Giao dịch Bất động sản TICCO (TICCOReal)

Địa chỉ : Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

Mã số thuế : **1 2 0 0 5 2 6 8 4 2 - 0 0 7**

Xí nghiệp trực thuộc

Tên xí nghiệp : Xí nghiệp Kinh doanh Vật liệu xây dựng

Địa chỉ : Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

#### **Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

#### **2. Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, xây dựng, thương mại, dịch vụ và kinh doanh bất động sản.

#### **3. Ngành, nghề kinh doanh :**

- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Thi công các công trình thủy lợi: Trạm bơm, cống, đập, đê, kè sông, kè biển các loại, hồ chứa nước và nạo vét rạch, kênh mương;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Kinh doanh cát san lấp;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. Chi tiết: Môi giới bất động sản, định giá bất động sản, tư vấn bất động sản, đấu giá bất động sản, quản lý bất động sản;
- Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: Thi công xây dựng các công trình dân dụng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Thi công xây dựng các công trình công nghiệp;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Thi công các công trình giao thông: cầu giao thông, cầu cảng, đường giao thông các loại, hệ thống cấp thoát nước;
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: San lấp mặt bằng;
- Đóng tàu và cấu kiện nổi. Chi tiết: Trung đại tu thiết bị, sửa chữa và đóng mới sà lan;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại. Chi tiết: Gia công các sản phẩm cơ khí, cửa công công trình thủy lợi;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao. Chi tiết: Sản xuất và kinh doanh bê tông tươi và các sản phẩm bê tông đúc sẵn;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng: khu công nghiệp, khu dân cư, đường giao thông;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Khảo sát thiết kế các công trình xây dựng, giao thông, thủy lợi; tư vấn đấu thầu, giám sát;
- Quảng cáo. Chi tiết: Quảng cáo bất động sản;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic. Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm bằng vật liệu composite;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác
- Khai thác vận tải; lập dự án các công trình xây dựng, giao thông, thủy lợi; kinh doanh các sản phẩm bằng vật liệu composite; thiết kế, sản xuất, chế tạo thiết bị nâng.
- Bán buôn chuyên doanh khác. Chi tiết kinh doanh các sản phẩm bằng vật liệu composite.
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
- Cho thuê xe có động cơ.

#### **4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

#### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm phản ánh lợi nhuận hợp nhất là 78.513.985.965 VND, giảm 14% so với kỳ kế toán năm trước, tương ứng giảm 13.313.297.944 VND, trong đó lợi nhuận thu được từ hoạt động sản xuất kinh doanh bê tông giảm 17.613.577.446 VND, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh bất động sản giảm 995.252.369 VND và lợi nhuận từ các hoạt động còn lại tăng 5.295.531.871 VND.

Nguyên nhân chủ yếu hoạt động kinh doanh trong năm giảm so với kỳ kế toán năm trước do:

- Lợi nhuận thu được từ hoạt động sản xuất kinh doanh bê tông giảm sút phần lớn là lợi nhuận của Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO (công ty con) giảm. Nguyên do chủ yếu là do Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO đã đầu tư mở rộng các dự án nhà máy bê tông, đầu tư tăng mới tài sản cố định, nhu cầu vốn đầu tư tăng chủ yếu là vốn vay,...điều đó đã làm cho chi phí khấu hao và chi phí lãi vay trong năm nay tăng đáng kể so với năm trước tương ứng là 9.829.602.772 VND và 5.461.973.146 VND, do đó đã làm cho lợi nhuận trong năm của Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO giảm tương ứng.
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh bất động sản giảm 995.252.369 VND, chủ yếu là chênh lệch giá vốn của các dự án Khu dân cư hoàn thành được điều chỉnh theo giá trị quyết toán trong các năm, cụ thể giá vốn của dự án Khu nhà ở Thương mại xã Trung An điều chỉnh giảm theo chi phí quyết toán dự án trong năm nay là 22.230.988.603 VND thấp hơn giá vốn của dự án Khu dân cư Trương Định điều chỉnh giảm theo chi phí quyết toán dự án trong năm trước là 780.008.802 VND. Đây cũng chính nguyên nhân làm cho giá vốn của hoạt động bất động sản trong năm có giá trị âm 723.716.211 VND (xem Thuyết minh VI.2).

#### 6. Cấu trúc của Công ty

Cấu trúc Công ty bao gồm Công ty mẹ, 6 công ty con cấp 1, 1 công ty con cấp 2 và chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ và 1 công ty liên kết có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty mẹ. Tất cả các công ty con và công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

Chi tiết tăng, giảm của các công ty con, công ty liên kết trong năm như sau:

Tên công ty	Địa chỉ	Ngành, nghề kinh doanh chủ yếu	Tỷ lệ phần sở hữu		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			31/12/2018	31/12/2017	31/12/2018	31/12/2017
<b>Công ty con cấp 1</b>						
Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	Lô 1-6 Khu Công nghiệp Mỹ Tho, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang	Sản xuất, kinh doanh bê tông	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty Cổ phần Xây dựng TICCO (i)	Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang	Thi công công trình xây dựng thủy lợi	66,67%	100,00%	66,67%	100,00%
Công ty Cổ	Số 3 Lê Lợi,	Thi công	-	75,42%	-	75,42%

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Tên công ty	Địa chỉ	Ngành, nghề kinh doanh chủ yếu	Tỷ lệ phần sở hữu		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			31/12/2018	31/12/2017	31/12/2018	31/12/2017
phần Đầu tư và Xây dựng TICCO An Giang (ii)	Phường Mỹ Bình, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang	công trình xây dựng thủy lợi				
Công ty TNHH MTV Xây dựng Thủy lợi TICCO	Số 90 Đỉnh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang	Thi công công trình xây dựng thủy lợi	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV Cơ khí Công trình TICCO	Số 90 Đỉnh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang	Sản xuất, gia công sản phẩm cơ khí	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV Vật liệu xây dựng TICCO (iii)	Số 90 Đỉnh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang	Kinh doanh vật liệu xây dựng	100,00%	-	100,00%	-
<b>Công ty con cấp 2</b>						
Công ty TNHH MTV Cọc TICCO (iv)	Áp 1, Xã Tân Lập 1, Huyện Tân Phước, Tỉnh Tiền Giang	Đóng, ép cọc bê tông cốt thép các loại bằng máy thủy lực	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
<b>Công ty liên kết</b>						
Công ty Cổ phần Testco	Lô 1, 2, 3 Khu Công nghiệp Mỹ Tho, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang	Thiết kế, giám sát, kiểm định thử nghiệm chất lượng công trình	20%	20%	20%	20%

- (i) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Xây dựng TICCO giảm từ 15.000.000.000 VND chiếm tỷ lệ 100% vốn điều lệ còn 10.000.000.000 VND chiếm tỷ lệ 66,67% vốn điều lệ. Công ty Cổ phần Xây dựng TICCO được chuyển đổi từ hình thức “Công ty TNHH Một thành viên” sang hình thức “Công ty cổ phần” từ ngày 25 tháng 01 năm 2018 với vốn điều lệ là 15.000.000.000 VND.
- (ii) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TICCO An Giang với giá trị vốn góp là 14.519.345.695 VND, chiếm tỷ lệ 75,42% vốn điều lệ của công ty này đã được thoái vốn toàn bộ theo Nghị quyết số 39/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang và Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 21 tháng 8 năm 2017, giá trị

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

#### **Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

chuyển nhượng là 15.084.100.000 VND. Công ty đã hoàn tất các thủ tục pháp lý cần thiết cho việc chuyển nhượng này và đã thanh lý Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần vào ngày 5 tháng 4 năm 2018. Lãi chuyển nhượng đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TICCO An Giang được phản ánh vào kết quả kinh doanh hợp nhất trên chi tiêu Doanh thu hoạt động tài chính là 1.288.866.896 VND (xem Thuyết minh số VI.3).

(iii) Khoản đầu tư thành lập Công ty TNHH MTV Vật liệu xây dựng TICCO ngày 4 tháng 4 năm 2018 với giá trị vốn góp là 3.500.000.000 VND, chiếm tỷ lệ 100% vốn điều lệ của công ty này.

(iv) Công ty nắm giữ 100% quyền biểu quyết gián tiếp tại Công ty TNHH MTV Cọc TICCO thông qua Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO.

#### **7. Nhân viên**

Số lượng nhân viên của Công ty (bao gồm nhân viên của các công ty con) tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 536 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 500 người).

### **II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

#### **1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 là kỳ kế toán năm thứ 15 của Công ty hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần.

#### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC và Thông tư 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

#### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

#### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### 3. Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

#### 4. Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

#### 5. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

#### **Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Khi Công ty thực hiện giao dịch với công ty liên kết, nếu phát sinh lãi, Công ty chỉ ghi nhận khoản lãi tương ứng phần sở hữu của các bên khác trong công ty liên kết. Khoản lãi chưa thực hiện tương ứng với phần sở hữu của Công ty vào công ty liên kết được phân bổ dần vào Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Ngược lại, khi công ty liên kết thực hiện giao dịch với Công ty, nếu phát sinh lãi, Công ty không được ghi nhận phần lãi tương ứng với phần sở hữu của Công ty từ giao dịch đó.

#### **6. Bất lợi thương mại**

Bất lợi thương mại (lợi thế thương mại âm) là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết tại ngày diễn ra nghiệp vụ mua công ty so với giá phí hợp nhất kinh doanh. Bất lợi kinh doanh được hạch toán ngay vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### **7. Công cụ tài chính**

##### Ghi nhận ban đầu

##### *Tài sản tài chính*

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu của khách hàng, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng và phải thu khác.

##### *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác và các khoản vay.

##### *Bù trừ các công cụ tài chính*

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán phải trả đồng thời.

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

#### **Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

##### Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

#### **8. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### **9. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Thu nhập từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, Công ty tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Lãi/lỗ khi thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

#### **10. Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty bao gồm phải thu về bán vật liệu xây dựng, phải thu về bán bê tông, phải thu thi công công trình xây dựng thủy lợi, thi công cơ giới, phải thu về sửa chữa, gia công cơ khí và phải thu về chuyển nhượng quyền sử dụng đất.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm các khoản phải thu tạo ra doanh thu tài chính, như: phải thu lãi tiền gửi, tạm ứng cổ tức; các khoản phải chi hộ bên thứ ba được quyền nhận lại; các khoản phải thu không mang tính thương mại như tạm ứng nhân viên; các ký quỹ, ký cược và các khoản phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất đối với các khoản nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi, như khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và các trường hợp khó khăn tương tự.

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tăng, giảm số dư dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

#### 11. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất. Tăng, giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

#### 12. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	4 - 30
Máy móc thiết bị	2 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3 - 15
Thiết bị văn phòng	3 - 10
Tài sản khác	5 - 10

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do bán hay thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

#### 13. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm kế toán.

##### ***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là toàn bộ chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng tương ứng

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

#### **Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

với thời gian sử dụng của lô đất; đối với những lô đất không xác định thời hạn, lâu dài Công ty không trích khấu hao.

#### ***Phần mềm kế toán***

Phần mềm kế toán là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 6 năm.

#### **14. Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư là văn phòng và các ki ốt do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá bất động sản đầu tư do Công ty tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong thời gian từ 25 năm đến 46 năm đối với văn phòng cho thuê và 6 năm đối với các ki ốt cho thuê.

#### **15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm tài sản cố định, chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản và chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định chưa hoàn thành tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### ***Chi phí mua sắm tài sản cố định***

Chi phí mua sắm tài sản cố định phản ánh giá mua và các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc lắp đặt, chạy thử,... tài sản trước khi đưa vào sử dụng.

#### ***Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản***

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới, hoặc cải tạo, nâng cấp, mở rộng, và phí lãi vay.... liên quan đến các công trình, tài sản phục vụ cho mục đích sản xuất, kinh doanh của Công ty còn dở dang tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### ***Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định***

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định là toàn bộ chi phí phát sinh thực tế liên quan đến việc sửa chữa, cải tạo,.. tài sản cố định. Khi công việc sửa chữa lớn tài sản cố định hoàn thành, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được kết chuyển chi phí vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ (nếu chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định giá trị nhỏ)/ chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được kết chuyển vào “Chi phí trả trước dài hạn” để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ (chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định giá trị lớn và liên quan đến nhiều kỳ sản xuất kinh doanh).

#### **16. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước thể hiện tiền thuê đất phi nông nghiệp của KDC Long Thạnh Hưng, chi phí sửa chữa, chi phí công cụ, dụng cụ và các chi phí khác.

Các chi phí trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước ngắn hạn”; ngược lại, các chi phí trả trước có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước dài hạn”.

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

#### **Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí sửa chữa và giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện nhỏ đã xuất dùng và chi phí khác, được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng ước tính từ 2 đến 6 năm. Riêng các công cụ, dụng cụ là coffa, cù,.. sử dụng cho hoạt động thi công xây dựng thủy lợi được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo quyết toán chi phí công trình.

#### **17. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, nhận giá trị công trình thi công, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả dùng để phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: phải trả cổ tức; các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; nhận ký quỹ, ký cược; phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ,.. và các khoản phải trả khác.

#### **18. Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất.

##### ***Chi phí bảo hành sản phẩm, công trình xây dựng/ cơ khí***

Dự phòng cho bảo hành được lập cho từng loại sản phẩm, công trình xây dựng/ cơ khí có cam kết bảo hành với mức trích lập theo các cam kết với khách hàng.

Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành của Công ty được ước tính từ 1% đến 5% trên doanh thu các sản phẩm, công trình xây dựng/ cơ khí có yêu cầu bảo hành.

#### **19. Vốn chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận thuần**

##### ***Cơ cấu vốn chủ sở hữu***

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

#### **Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.
- Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

#### **Phân phối lợi nhuận thuần**

- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật Việt Nam.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ.

- Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.
- Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.
  - Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
  - Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và các hoạt động xã hội.

## **20. Doanh thu**

### **Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### **Doanh thu từ chuyển nhượng bất động sản**

Doanh thu được ghi nhận khi bên bán đã chuyển giao cho bên mua phần lớn các rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản, thông thường là trùng với việc chuyển giao bất động sản, và khả năng thu hồi giá chuyển nhượng bất động sản được đảm bảo một cách hợp lý.

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

#### **Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Nếu một giao dịch không đáp ứng được điều kiện ghi nhận doanh thu nói trên, các khoản tiền thanh toán theo tiến độ nhận được từ khách hàng được ghi nhận vào chỉ tiêu người mua trả tiền trước trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất đến khi tất cả các điều kiện nêu trên được đáp ứng.

#### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về các dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### ***Doanh thu từ hợp đồng xây dựng***

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về Hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

#### ***Lãi tiền gửi***

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

#### ***Cổ tức và lợi nhuận được chia***

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, mà không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

### **21. Hợp đồng xây dựng**

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo 2 trường hợp:

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định vào ngày Báo cáo tài chính hợp nhất mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.
- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Phần công việc đã hoàn thành được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

#### **Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

#### **22. Giá vốn bất động sản được chuyển nhượng**

Giá vốn bất động sản được chuyển nhượng bao gồm toàn bộ chi phí phát sinh trực tiếp cho các hoạt động phát triển đất, nhà và các chi phí khác có liên quan được phân bổ trên cơ sở hợp lý cho các hoạt động này bao gồm:

- Các chi phí về đất và phát triển đất;
- Các chi phí xây dựng và liên quan đến xây dựng;
- Các chi phí khác có liên quan phát sinh trong quá trình hình thành bất động sản như các chi phí phát sinh từ hoạt động phát triển đất và công trình trên đất hiện tại và trong tương lai của dự án (như chi phí phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật chung và chi phí phát triển quỹ đất bắt buộc dành cho các mục đích công cộng,..).

#### **23. Chi phí**

Chi phí là những khoản giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để bảo đảm phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

#### **24. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

#### **25. Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của Cơ quan thuế có thẩm quyền.

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

#### **Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một Cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

#### **26. Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) và số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu.

#### **27. Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan của Công ty nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của cá nhân được coi là liên quan.

#### **28. Báo cáo bộ phận**

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Đơn vị tính: VND

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>31/12/2018</u>	<u>31/12/2017</u>
Tiền mặt	677.458.037	679.267.816
Tiền gửi ngân hàng (i)	41.900.684.944	34.505.595.636
Các khoản tương đương tiền (ii)	66.745.743.921	95.737.382.242
<b>Cộng</b>	<b><u>109.323.886.902</u></b>	<b><u>130.922.245.694</u></b>

(i) Như trình bày tại Thuyết minh số V.21, số dư tiền gửi ngân hàng của Công ty và công ty con (Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO) tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang là 29.731.113.525 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 27.309.325.139 VND) đã được đảm bảo cho các khoản vay và bảo lãnh ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang.

(ii) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,1%/năm đến 5,1%/năm (năm 2017: từ 4,3%/năm đến 5,5%/năm).

Trong số dư tiền gửi có kỳ hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, số dư tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang là 5.605.550.805 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 2.290.384.101 VND), đã được bảo đảm cho các khoản bảo lãnh ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang (xem Thuyết minh số V.21).

**2. Các khoản đầu tư tài chính**

	<u>31/12/2018</u>		<u>31/12/2017</u>	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>				
<i>Ngắn hạn</i>	<i>19.576.447.726</i>	<i>19.576.447.726</i>	<i>37.854.563.187</i>	<i>37.854.563.187</i>
Tiền gửi có kỳ hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang	19.576.447.726	19.576.447.726	37.854.563.187	37.854.563.187
Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Tiền Giang	12.664.915.054	12.664.915.054	12.160.479.579	12.160.479.579
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh An Giang	6.911.532.672	6.911.532.672	24.494.083.608	24.494.083.608
<i>Dài hạn</i>	<i>7.015.969.187</i>	<i>7.015.969.187</i>	<i>22.640.555.000</i>	<i>22.640.555.000</i>
Tiền gửi có kỳ hạn Ngân hàng TMCP	7.015.969.187	7.015.969.187	22.640.555.000	22.640.555.000
	7.015.969.187	7.015.969.187	22.640.555.000	22.640.555.000

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	31/12/2018		31/12/2017	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<i>Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang</i>				
<b>Cộng</b>	<b>26.592.416.913</b>	<b>26.592.416.913</b>	<b>60.495.118.187</b>	<b>60.495.118.187</b>

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến 1 năm (ngắn hạn) và trên 1 năm (dài hạn) tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 5,1%/năm đến 6,7%/năm (năm 2017: từ 5,3% /năm đến 6,5%/năm).

Trong đó, số dư tiền gửi có kỳ hạn của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang là 4.816.938.996 VND, bao gồm ngắn hạn: 2.406.786.365 VND và dài hạn: 2.410.152.631 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 8.833.251.029 VND, bao gồm ngắn hạn: 2.284.454.362 VND và dài hạn: 6.548.796.667 VND), đã được bảo đảm cho các khoản bảo lãnh ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang (xem Thuyết minh số V.21).

	31/12/2018	31/12/2017
<b>b) Đầu tư vào công ty liên kết</b>		
Công ty Cổ phần Testco	395.466.852	349.586.034
<b>Cộng</b>	<b>395.466.852</b>	<b>349.586.034</b>

Đầu tư vào công ty liên kết phản ánh giá trị đầu tư của Công ty vào Công ty Cổ phần Testco với giá trị vốn góp là 260.000.000 VND, chiếm tỷ lệ 20% vốn điều lệ của công ty này. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Testco là thiết kế, giám sát, kiểm định thử nghiệm chất lượng công trình.

Chi tiết về giá trị đầu tư vào công ty liên kết như sau:

	31/12/2018	31/12/2017
Đầu tư vào công ty liên kết	260.000.000	260.000.000
Phần lợi nhuận, cổ tức được chia đã ghi nhận	135.466.852	89.586.034
<b>Cộng</b>	<b>395.466.852</b>	<b>349.586.034</b>

Thông tin tài chính tóm tắt về công ty liên kết được trình bày như sau:

	31/12/2018	31/12/2017
Tổng tài sản	2.571.944.514	1.962.225.826
Tổng công nợ	594.610.254	209.233.621
Tài sản thuần	1.977.334.260	1.752.992.205
<b>Phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của công ty liên kết</b>	<b>395.466.852</b>	<b>350.598.442</b>
Ảnh hưởng điều chỉnh lợi nhuận chưa thực hiện của công ty liên kết bán hàng/ cung cấp dịch vụ trong năm	-	(1.012.408)
<b>Phần tài sản thuần đầu tư vào công ty liên kết</b>	<b>395.466.852</b>	<b>349.586.034</b>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

#### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thông tin kết quả hoạt động kinh doanh tóm tắt về các công ty liên kết của Công ty được trình bày như sau:

	<u>Năm 2018</u>	<u>Năm 2017</u>
Doanh thu thuần	2.207.460.371	2.064.375.874
Lợi nhuận thuần	554.837.286	352.476.150
<b>Phần lợi nhuận được chia từ kết quả kinh doanh của công ty liên kết</b>	<b>110.967.457</b>	<b>70.495.230</b>
Ảnh hưởng điều chỉnh lợi nhuận chưa thực hiện của công ty liên kết bán hàng/ cung cấp dịch vụ trong năm	1.012.408	16.527.831
<b>Phần lợi nhuận được chia từ khoản đầu tư vào công ty liên kết sau khi hợp nhất</b>	<b>111.979.865</b>	<b>87.023.061</b>

#### 3. Phải thu của khách hàng

	<u>31/12/2018</u>	<u>31/12/2017</u>
Phải thu khách hàng bán vật liệu xây dựng	4.368.515.896	3.909.797.400
Phải thu khách hàng bán bê tông	131.944.574.133	106.909.192.557
Phải thu khách hàng thi công công trình xây dựng	54.515.676.285	58.802.856.361
Phải thu khách hàng sửa chữa, gia công cơ khí	7.530.746.140	4.687.263.540
Phải thu khách hàng thi công cơ giới	-	63.936.438
Phải thu khách hàng chuyển nhượng quyền sử dụng đất	1.736.543.070	3.035.354.670
<b>Cộng</b>	<b>200.096.055.524</b>	<b>177.408.400.966</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, số dư phải thu ngắn hạn của khách hàng của Công ty và công ty con (Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO) là 189.733.654.216 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2017: 158.630.852.046 VND), đã được đảm bảo cho các khoản vay và bảo lãnh ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang (xem Thuyết minh số V.21).

#### 4. Trả trước cho người bán

Trả trước cho người bán kinh doanh vật liệu xây dựng	-	166.880.200
Trả trước cho người bán bê tông	26.219.594.582	8.139.195.805
Trả trước cho người bán thi công công trình xây dựng	9.362.913.984	1.454.295.900
Trả trước cho người bán sửa chữa, gia công cơ khí	880.000.000	92.162.818
Trả trước cho người bán liên quan đến hoạt động chuyển nhượng quyền sử dụng đất	3.123.331.648	1.479.709.700
<b>Cộng</b>	<b>39.585.840.214</b>	<b>11.332.244.423</b>

#### 5. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng

Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Xây dựng Vận tải Vinh Phát	-	274.610.652
Công ty TNHH Xây dựng Tự Lập	-	652.955.005
Ban QLDA ĐT huyện Châu Thành	2.125.217.631	2.125.217.631
<b>Cộng</b>	<b>2.125.217.631</b>	<b>3.052.783.288</b>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****6. Phải thu khác**

	31/12/2018		31/12/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>47.759.550.201</b>	<b>(10.500.000)</b>	<b>34.083.824.948</b>	<b>(265.668.853)</b>
Sở Tài chính tỉnh An Giang	-	-	255.168.853	(255.168.853)
Lãi tiền gửi phải thu	975.782.393	-	1.890.049.492	-
Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện Gò Công Đông	3.529.020.000	-	-	-
Trung tâm Phát triển Quỹ đất thị xã Gò Công	178.820.000	-	-	-
Tạm ứng nhân viên	26.147.654.103	-	15.245.438.451	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	16.928.273.705	(10.500.000)	16.693.168.152	(10.500.000)
<b>b) Dài hạn</b>	<b>770.791.230</b>	<b>-</b>	<b>105.900.000</b>	<b>-</b>
Ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng	661.891.230	-	-	-
Ký quỹ vỏ chai oxy	108.900.000	-	105.900.000	-
<b>Cộng</b>	<b>48.530.341.431</b>	<b>(10.500.000)</b>	<b>34.189.724.948</b>	<b>(265.668.853)</b>

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****7. Nợ xấu**

	31/12/2018			31/12/2017		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
<b><i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i></b>	<b>35.496.628.832</b>	<b>11.320.226.433</b>	<b>(24.176.402.399)</b>	<b>29.470.201.208</b>	<b>6.897.947.791</b>	<b>(22.572.253.417)</b>
Phải thu khách hàng bán vật liệu xây dựng	560.335.400	167.883.760	(392.451.640)	348.258.900	224.375.430	(123.883.470)
Phải thu khách hàng bán bê tông	29.968.588.407	11.152.342.673	(18.816.245.734)	19.737.904.683	5.839.274.961	(13.898.629.722)
Phải thu khách hàng thi công công trình xây dựng	3.998.823.415	-	(3.998.823.415)	7.395.254.415	834.297.400	(6.560.957.015)
Phải thu khách hàng sửa chữa, gia công cơ khí	276.408.540	-	(276.408.540)	276.408.540	-	(276.408.540)
Phải thu khách hàng chuyển nhượng quyền sử dụng đất	692.473.070	-	(692.473.070)	1.712.374.670	-	(1.712.374.670)
<b><i>Trả trước cho người bán ngắn hạn</i></b>	<b>399.403.500</b>	<b>-</b>	<b>(399.403.500)</b>	<b>399.403.500</b>	<b>-</b>	<b>(399.403.500)</b>
Trả trước cho người bán thi công công trình xây dựng	177.377.000	-	(177.377.000)	283.907.000	-	(283.907.000)
Trả trước cho người bán hoạt động chuyển nhượng quyền sử dụng đất	222.026.500	-	(222.026.500)	115.496.500	-	(115.496.500)
<b><i>Phải thu ngắn hạn khác</i></b>	<b>10.500.000</b>	<b>-</b>	<b>(10.500.000)</b>	<b>265.668.853</b>	<b>-</b>	<b>(265.668.853)</b>
Phải thu khác	10.500.000	-	(10.500.000)	265.668.853	-	(265.668.853)
<b>Cộng</b>	<b>35.906.532.332</b>	<b>11.320.226.433</b>	<b>(24.586.305.899)</b>	<b>30.135.273.561</b>	<b>6.897.947.791</b>	<b>(23.237.325.770)</b>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thông tin về khoản nợ xấu bao gồm:

- Các khoản nợ xấu liên quan các khoản phải thu của khách hàng bán hàng, xây dựng, cung cấp dịch vụ, chuyển nhượng quyền sử dụng đất,... các khoản trả trước người bán hay các khoản phải thu khác,... đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên, hoặc các khách hàng khó có khả năng thanh toán, như khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và các trường hợp khó khăn tương tự.
- Không có khoản tiền phạt, phải thu về lãi trả chậm,... theo hợp đồng phát sinh từ các khoản nợ quá hạn nhưng không được ghi nhận doanh thu.
- Giá trị có thể thu hồi của các khoản nợ xấu được xác định bằng giá gốc trừ đi dự phòng đã trích lập.

### 8. Hàng tồn kho

	31/12/2018		31/12/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	31.731.155.774	-	30.111.793.011	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	857.758.003	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	121.249.212.130	(367.440.582)	67.081.435.095	(367.440.582)
Thành phẩm	42.152.673.707	-	38.365.280.855	-
Thành phẩm bê tông đúc sẵn	35.031.572.796	-	25.292.063.659	-
Thành phẩm bất động sản (i) (ii)	7.121.100.911	-	13.073.217.196	-
Hàng hóa	3.680.992.047	-	1.913.846.216	-
Hàng gửi đi bán	313.262.026	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>199.127.295.684</b>	<b>(367.440.582)</b>	<b>138.330.113.180</b>	<b>(367.440.582)</b>

(\*) Chi tiết chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang như sau:

	31/12/2018		31/12/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Các công trình xây dựng	13.110.261.388	(367.440.582)	10.862.010.335	(367.440.582)
Các công trình thi công cơ khí	2.936.680.260	-	1.096.088.149	-
Các dự án bất động sản	105.202.270.482	-	55.123.336.611	-
Dự án KDC Trương Định	-	-	-	-
Dự án Khu nhà ở thương mại xã Trung An (iii)	4.844.942.068	-	20.780.607.595	-

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	31/12/2018		31/12/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<i>Dự án KDC</i>				
<i>Nguyễn Trãi</i>	99.602.289.548	-	33.957.743.916	-
<i>Dự án KDC Mỹ</i>				
<i>Thạnh Hưng</i>	60.173.509	-	60.173.509	-
<i>Các dự án khác</i>	694.865.357	-	324.811.591	-
<b>Cộng</b>	<b>121.249.212.130</b>	<b>(367.440.582)</b>	<b>67.081.435.095</b>	<b>(367.440.582)</b>

- (i) Thành phẩm bất động sản của Công ty bao gồm đất nền phân lô thuộc dự án Khu Dân cư Long Thạnh Hưng, thị trấn Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.
- (ii) Như trình bày tại Thuyết minh số V.21, tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty đã thế chấp 3.007,3 m<sup>2</sup> quyền sử dụng đất của dự án Khu Dân cư Long Thạnh Hưng để đảm bảo cho các khoản vay dài hạn Quỹ Đầu tư Phát triển Tiền Giang.
- (iii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty đã thế chấp 1.453,5 m<sup>2</sup> quyền sử dụng đất của dự án Khu nhà ở thương mại xã Trung An để đảm bảo cho khoản vay dài hạn tại Quỹ Đầu tư Phát triển Tiền Giang (xem Thuyết minh số V.21).

**9. Chi phí trả trước**

	31/12/2018	31/12/2017
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>107.974.440</b>	<b>214.772.727</b>
Công cụ, dụng cụ	38.977.723	-
Chi phí sửa chữa	42.184.536	-
Tiền thuế đất phi nông nghiệp của KDC Long Thạnh Hưng	26.812.181	-
Chi phí thuê xà lan	-	214.772.727
<b>b) Dài hạn</b>	<b>13.728.099.656</b>	<b>9.583.558.000</b>
Công cụ, dụng cụ	13.684.744.883	8.572.940.909
Chi phí sửa chữa	-	944.984.591
Chi phí khác	43.354.773	65.632.500
<b>Cộng</b>	<b>13.836.074.096</b>	<b>9.798.330.727</b>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****10. Tài sản cố định hữu hình**

Tình hình biến động tài sản cố định hữu hình trong năm như sau:

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCĐ khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
01/01/2018	42.150.739.462	242.475.591.837	101.093.451.028	1.502.697.951	1.005.136.098	388.227.616.376
Tăng trong năm	84.944.495.065	34.925.211.382	12.284.500.928	1.484.708.784	-	133.638.916.159
Giảm trong năm	199.706.690	24.100.018.802	3.915.127.325	376.673.160	1.005.136.098	29.596.662.075
<b>31/12/2018</b>	<b>126.895.527.837</b>	<b>253.300.784.417</b>	<b>109.462.824.631</b>	<b>2.610.733.575</b>	<b>-</b>	<b>492.269.870.460</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
01/01/2018	16.111.045.094	142.570.263.988	43.731.623.683	1.244.536.759	704.982.489	204.362.452.013
Tăng trong năm	6.250.660.200	18.572.456.604	9.437.864.082	264.874.659	-	34.525.855.545
Giảm trong năm	199.706.690	19.579.077.199	3.922.720.379	376.673.160	704.982.489	24.783.159.917
<b>31/12/2018</b>	<b>22.161.998.604</b>	<b>141.563.643.393</b>	<b>49.246.767.386</b>	<b>1.132.738.258</b>	<b>-</b>	<b>214.105.147.641</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
01/01/2018	26.039.694.368	99.905.327.849	57.361.827.345	258.161.192	300.153.609	183.865.164.363
<b>31/12/2018</b>	<b>104.733.529.233</b>	<b>111.737.141.024</b>	<b>60.216.057.245</b>	<b>1.477.995.317</b>	<b>-</b>	<b>278.164.722.819</b>
<b>Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao vẫn còn sử dụng:</b>						
01/01/2018	3.029.997.104	29.719.146.356	7.393.360.008	749.988.487	-	40.892.491.955
<b>31/12/2018</b>	<b>2.952.624.193</b>	<b>72.964.317.257</b>	<b>6.181.171.143</b>	<b>373.315.327</b>	<b>-</b>	<b>82.471.427.920</b>
<b>GTCL của TSCĐ đang thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng (xem Thuyết minh số V.21):</b>						
01/01/2018	19.095.145.798	77.541.083.670	51.415.444.627	264.632.702	-	148.316.306.797
<b>31/12/2018</b>	<b>58.379.255.038</b>	<b>106.659.433.817</b>	<b>37.987.852.409</b>	<b>242.550.623</b>	<b>-</b>	<b>203.269.091.887</b>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****11. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất</b>	<b>Phần mềm kế toán</b>	<b>Cộng</b>
<b>Nguyên giá</b>			
01/01/2018	2.471.554.760	350.263.800	2.821.818.560
Tăng trong năm	11.250.453.256	-	11.250.453.256
Giảm trong năm	-	-	-
<b>31/12/2018</b>	<b>13.722.008.016</b>	<b>350.263.800</b>	<b>14.072.271.816</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
01/01/2018	419.040.110	233.509.200	652.549.310
Tăng trong năm	102.946.029	58.377.300	161.323.329
Giảm trong năm	-	-	-
<b>31/12/2018</b>	<b>521.986.139</b>	<b>291.886.500</b>	<b>813.872.639</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
01/01/2018	2.052.514.650	116.754.600	2.169.269.250
<b>31/12/2018</b>	<b>13.200.021.877</b>	<b>58.377.300</b>	<b>13.258.399.177</b>

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các quyền sử dụng đất đang được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay như sau:

- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang đã thế chấp 925,9 m<sup>2</sup> đất có giá trị còn lại là 2.802.256.563 VND tại Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang, đang được sử dụng để làm văn phòng làm việc, để đảm bảo cho khoản vay dài hạn tại Quỹ Đầu tư Phát triển Tiền Giang (xem Thuyết minh số V.21).
- Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO (công ty con) đã thế các quyền sử dụng đất có giá trị còn lại 1.996.014.858 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 2.052.514.650 VND) để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang (xem Thuyết minh số V.21).

**12. Bất động sản đầu tư**

	<b>Kiot cho thuê</b>	<b>Văn phòng cho thuê</b>	<b>Cộng</b>
<b>Nguyên giá</b>			
01/01/2018	1.580.316.192	-	1.580.316.192
Tăng trong năm	-	19.285.289.573	19.285.289.573
Giảm trong năm	-	-	-
<b>31/12/2018</b>	<b>1.580.316.192</b>	<b>19.285.289.573</b>	<b>20.865.605.765</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
01/01/2018	43.897.672	-	43.897.672
Tăng trong năm	263.386.032	248.570.260	511.956.292
Giảm trong năm	-	-	-
<b>31/12/2018</b>	<b>307.283.704</b>	<b>248.570.260</b>	<b>555.853.964</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
01/01/2018	1.536.418.520	-	1.536.418.520
<b>31/12/2018</b>	<b>1.273.032.488</b>	<b>19.036.719.313</b>	<b>20.309.751.801</b>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

#### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Ki ốt cho thuê thể hiện phần giá trị xây dựng của các ki ốt tương ứng với phần diện tích Công ty cho thuê được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 6 năm.

Văn phòng cho thuê thể hiện giá trị đầu tư xây dựng và quyền sử dụng đất của tòa nhà văn phòng địa chỉ tại ấp 5, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số CO626951 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 30 tháng 7 năm 2018. Văn phòng cho thuê được khấu hao 25 năm đối với giá trị xây dựng và 46 năm đối với quyền sử dụng đất.

#### 13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>31/12/2018</u>	<u>31/12/2017</u>
Mua sắm tài sản cố định	9.676.131.126	20.788.217.130
Chi phí xây dựng cơ bản	23.759.197.992	100.070.831.212
Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	500.283.698
<b>Cộng</b>	<b><u>33.435.329.118</u></b>	<b><u>121.359.332.040</u></b>

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, trong giá trị tài sản đang mua sắm bao gồm giá trị 1 xe tải hiệu Hyundai HD210 và 1 bơm bê tông Putzmeister 4.801.377.965 VND đang được dùng để thế chấp cho khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang theo Hợp đồng tín dụng số 04/2018/433488/HĐTD ngày 14 tháng 6 năm 2018 (khoản vay cho mục đích mua sắm các tài sản này) (xem Thuyết minh số V.21).

#### 14. Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Dưới đây là thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong kỳ và năm trước như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Ghi nhận vào kết quả kinh doanh</u>	<u>Thoái vốn công ty con</u>	<u>Số cuối năm/ kỳ</u>
<b>Năm 2017</b>				
Số tiền tạm thu hoạt động kinh doanh bất động sản	386.240.144	(74.419.937)	-	311.820.207
Chi phí phải trả hoạt động bất động sản	61.931.153	(61.931.153)	-	-
Chi phí phải trả hoạt động xây dựng	32.931.409	364.176.695	-	397.108.104
Chi phí dự phòng	1.128.604.341	(1.055.116.225)	-	73.488.116
Khấu hao TSCĐ	1.028.794.520	482.068.439	-	1.510.862.959
Chi phí phân bổ	295.836.348	(33.788.245)	-	262.048.103
Các khoản lỗ tính thuế	3.347.238.128	10.411.372	-	3.357.649.500
Lãi (lỗ) chưa thực hiện khi hợp nhất	2.973.046.661	276.791.603	-	3.249.838.264
<b>Cộng</b>	<b><u>9.254.622.704</u></b>	<b><u>(91.807.451)</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>9.162.815.253</u></b>
<b>Năm 2018</b>				
Số tiền tạm thu hoạt động kinh doanh bất động sản	311.820.207	(307.671.892)	-	4.148.315
Chi phí phải trả hoạt động	397.108.104	(358.854.577)	(38.253.527)	-

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	Số đầu năm	Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	Thoái vốn công ty con	Số cuối năm/kỳ
động xây dựng				
Chi phí dự phòng	73.488.116	-		73.488.116
Khấu hao TSCĐ	1.510.862.959	9.532.358	(1.393.249.102)	127.146.215
Chi phí phân bổ	262.048.103	(52.248.679)	(79.177.725)	130.621.699
Các khoản lỗ tính thuế	3.357.649.500	(3.015.530.704)	-	342.118.796
Lãi (lỗ) chưa thực hiện khi hợp nhất	3.249.838.264	230.543.020	36.697.846	3.517.079.130
<b>Cộng</b>	<b>9.162.815.253</b>	<b>(3.494.230.474)</b>	<b>(1.473.982.508)</b>	<b>4.194.602.271</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có các khoản lỗ tính thuế là 1.710.593.980 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 16.788.247.500 VND) có thể được sử dụng để khấu trừ vào lợi nhuận trong tương lai. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận với số tiền 343.118.796 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 3.357.649.500 VND) theo khoản lỗ trên.

Lợi ích từ các khoản lỗ tính thuế mang sang của Công ty sẽ đáo hạn theo lịch biểu sau:

Năm	31/12/2018	31/12/2017	Ghi chú
2018	-	12.294.142.828	Lỗ tính thuế năm 2013
2020	1.710.593.980	1.710.593.980	Lỗ tính thuế năm 2015
2022	-	2.783.510.692	Lỗ tính thuế năm 2017
<b>Cộng</b>	<b>1.710.593.980</b>	<b>16.788.247.500</b>	

**15. Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2018		31/12/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán vật liệu xây dựng	16.449.898.857	16.449.898.857	12.590.523.930	12.590.523.930
Phải trả người bán bê tông	114.655.195.071	114.655.195.071	78.871.829.132	78.871.829.132
Phải trả người bán thi công công trình xây dựng	19.376.569.046	19.376.569.046	17.380.763.901	17.380.763.901
Phải trả người bán sửa chữa, gia công cơ khí	8.251.953.832	8.251.953.832	4.753.865.432	4.753.865.432
Phải trả người bán thi công cơ giới	-	-	37.520.998	37.520.998
Phải trả người bán chuyển nhượng quyền sử dụng đất	1.917.656.388	1.917.656.388	712.488.206	712.488.206
<b>Cộng</b>	<b>160.651.273.194</b>	<b>160.651.273.194</b>	<b>114.346.991.599</b>	<b>114.346.991.599</b>

**Số nợ quá hạn chưa thanh toán**

Phải trả người bán thi công công trình xây dựng	1.368.153.571	1.368.153.571	3.231.842.041	3.231.842.041
---	---------------	---------------	---------------	---------------

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	31/12/2018		31/12/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán chuyển nhượng quyền sử dụng đất	467.081.146	467.081.146	188.010.340	188.010.340
<b>Cộng</b>	<b>1.835.234.717</b>	<b>1.835.234.717</b>	<b>3.419.852.381</b>	<b>3.419.852.381</b>

**16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	31/12/2018	31/12/2017
Người mua vật liệu xây dựng trả tiền trước	55.600.300	22.960.000
Người mua bê tông trả tiền trước	7.833.114.558	5.255.102.208
Khánh hàng thi công công trình xây dựng trả tiền trước	60.543.159.353	28.628.358.799
Khách hàng sửa chữa, gia công cơ khí trả tiền trước	2.492.457.000	1.644.600.000
Khách hàng thi công cơ giới trả tiền trước	7.800.000	7.800.000
Người mua chuyển nhượng quyền sử dụng đất trả tiền trước	414.831.500	7.160.306.500
<b>Cộng</b>	<b>71.346.962.711</b>	<b>42.719.127.507</b>

**17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Chỉ tiêu	01/01/2018	Số phải nộp	Số đã nộp	Thoái vốn	31/12/2018
Thuế GTGT hàng bán/ dịch vụ cung cấp trong nước	3.050.371.716	19.202.247.770	17.289.359.763	78.464.710	4.884.795.013
Thuế GTGT hàng bán/ dịch vụ cung cấp trong nước - Thuế phải thu (*)	127.565.191	232.608.734	424.686.979	-	(64.513.054)
Thuế GTGT hàng bán/ dịch vụ cung cấp trong nước - Thuế phải nộp	2.922.806.525	18.969.639.036	16.864.672.784	78.464.710	4.949.308.067
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	1.056.792.422	1.056.792.422	-	-
Thuế hàng nhập khẩu	-	63.641.568	63.641.568	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.937.052.137	17.027.504.965	11.943.053.077	-	12.021.504.025
Thuế thu nhập cá nhân	8.247.658	4.003.351.626	3.980.534.143	-	31.065.141
Thuế thu nhập cá nhân phải thu (*)	(89.903.776)	1.274.377.237	1.271.499.161	-	(87.025.700)
Thuế thu nhập cá nhân phải	98.151.434	2.728.974.389	2.709.034.982	-	118.090.841

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Chỉ tiêu	01/01/2018	Số phải nộp	Số đã nộp	Thoái vốn	31/12/2018
<i>nộp</i>					
Các loại thuế khác	308.726.514	1.346.195.464	1.346.195.464	308.726.514	-
Thuế môn bài	-	22.000.000	22.000.000	-	-
Thuế đất	-	1.311.966.207	1.311.966.207	-	-
Các khoản tiền phạt	308.726.514	12.229.257	12.229.257	308.726.514	-
<b>Cộng</b>	<b>10.304.398.025</b>	<b>42.699.733.815</b>	<b>35.679.576.437</b>	<b>387.191.224</b>	<b>16.937.364.179</b>

**Trình bày số dư trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất:**

Thuế và các khoản phải thu Nhà nước (*)	89.903.776			151.538.754
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	10.394.301.801			17.088.902.933

- Thuế giá trị gia tăng**

Công ty áp dụng Luật thuế giá trị gia tăng hiện hành.

- Phương pháp tính thuế : Phương pháp khấu trừ

- Thuế suất áp dụng :

+ Thuế suất 5% : Hoạt động thi công đào đắp, nạo vét kênh, mương, ao hồ phục vụ sản xuất nông nghiệp

+ Thuế suất 10% : Hoạt động khác

- Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Xem Thuyết minh số VI.8

- Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp các loại thuế khác theo qui định hiện hành.

**18. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2018	31/12/2017
Phải trả gia công sản phẩm cơ khí	168.632.273	212.650.231
Giá vốn ước tính của các dự án bất động sản	22.993.323.094	42.891.392.422
Chi phí thi công công trình xây dựng	16.492.081.947	5.987.883.371
Chi phí lãi vay phải trả	325.346.725	316.383.055
Các chi phí phải trả khác	267.416.549	358.231.332
<b>Cộng</b>	<b>40.246.800.588</b>	<b>49.766.540.411</b>

**19. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

Doanh thu chưa thực hiện công trình xây dựng thùy lợi	1.587.385.455	-
Doanh thu chưa thực hiện tiền cho thuê văn phòng	272.160.000	-
Doanh thu thu tiền trước bán đất nền	-	24.021.714.199
<b>Cộng</b>	<b>1.859.545.455</b>	<b>24.021.714.199</b>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****20. Phải trả khác**

	<u>31/12/2018</u>	<u>31/12/2017</u>
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>4.261.503.392</b>	<b>13.654.312.365</b>
Kinh phí công đoàn	23.806.761	92.227.933
Các khoản bảo hiểm phải nộp	88.237	23.341.896
Thù lao HDQT	156.246.731	81.688.731
Thuế TNCN	5.967.802	5.967.802
Phải trả về cổ phần hóa	176.790.020	176.790.020
Công ty Cổ phần Testco (*)	13.186.591	13.186.591
Công ty Cổ phần 6.3	714.471.536	1.695.939.950
Hoa hồng bán hàng	484.779.174	484.779.174
Cổ tức	-	102.000.000
Thu trước tiền bán cổ phần tại công ty con	-	10.000.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược	32.500.000	-
Các khoản phải trả khác	2.653.666.540	978.390.268
<b>b) Dài hạn</b>	<b>577.740.000</b>	<b>225.000.000</b>
Nhận tiền đặt cọc cho thuê ki ốt	169.500.000	225.000.000
Nhận tiền đặt cọc cho thuê văn phòng	408.240.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>4.839.243.392</u></b>	<b><u>13.879.312.365</u></b>
<b>Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>		
Thù lao HDQT	66.688.731	66.688.731
Thuế TNCN	5.967.802	5.967.802
Hoa hồng bán hàng	484.779.174	484.779.174
Phải trả về cổ phần hóa	176.790.020	176.790.020
Công ty Cổ phần Testco (*)	13.186.591	13.186.591
<b>Cộng</b>	<b><u>747.412.318</u></b>	<b><u>747.412.318</u></b>
<b>Phải trả ngắn hạn khác là bên liên quan (*)</b>	<b><u>13.186.591</u></b>	<b><u>13.186.591</u></b>

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****21. Vay và nợ thuê tài chính**

	31/12/2018		Trong năm		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Vay ngắn hạn</b>	<b>205.880.470.602</b>	<b>205.880.470.602</b>	<b>458.995.489.909</b>	<b>(385.859.753.220)</b>	<b>132.744.733.913</b>	<b>132.744.733.913</b>
<i>Vay ngắn hạn</i>	<i>119.302.339.442</i>	<i>119.302.339.442</i>	<i>372.901.496.249</i>	<i>(358.663.488.560)</i>	<i>105.064.331.753</i>	<i>105.064.331.753</i>
Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang	119.302.339.442	119.302.339.442	372.901.496.249	(358.663.488.560)	105.064.331.753	105.064.331.753
<i>Khoản vay của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang (i)</i>	<i>19.340.438.000</i>	<i>19.340.438.000</i>	<i>43.737.797.411</i>	<i>(50.199.477.089)</i>	<i>25.802.117.678</i>	<i>25.802.117.678</i>
<i>Khoản vay của Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO (ii)</i>	<i>99.961.901.442</i>	<i>99.961.901.442</i>	<i>329.163.698.838</i>	<i>(305.802.600.000)</i>	<i>76.600.802.604</i>	<i>76.600.802.604</i>
<i>Khoản vay của Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>(2.661.411.471)</i>	<i>2.661.411.471</i>	<i>2.661.411.471</i>
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>	<b>65.633.381.160</b>	<b>65.633.381.160</b>	<b>75.836.493.660</b>	<b>(27.196.264.660)</b>	<b>16.993.152.160</b>	<b>16.993.152.160</b>
Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang đến hạn trả	33.632.000.000	33.632.000.000	35.080.000.000	(2.286.000.000)	838.000.000	838.000.000
<i>Khoản vay của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang (iii)</i>	<i>3.902.000.000</i>	<i>3.902.000.000</i>	<i>5.350.000.000</i>	<i>(2.286.000.000)</i>	<i>838.000.000</i>	<i>838.000.000</i>
<i>Khoản vay của Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO (iv)</i>	<i>29.730.000.000</i>	<i>29.730.000.000</i>	<i>29.730.000.000</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Vay dài hạn Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Tiền Giang đến hạn	3.723.701.160	3.723.701.160	5.878.376.160	(14.719.077.160)	12.564.402.160	12.564.402.160

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	31/12/2018		Trong năm		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
trả						
<i>Khoản vay của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang</i>	-	-	2.154.675.000	(10.995.376.000)	8.840.701.000	8.840.701.000
<i>Khoản vay của Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO (v)</i>	3.723.701.160	3.723.701.160	3.723.701.160	(3.723.701.160)	3.723.701.160	3.723.701.160
Vay dài hạn Quỹ Đầu tư Phát triển Tiền Giang đến hạn trả (vi)	28.277.680.000	28.277.680.000	34.878.117.500	(10.191.187.500)	3.590.750.000	3.590.750.000
<i>Vay dài hạn cá nhân đến hạn trả (vii)</i>	<b>20.944.750.000</b>	<b>20.944.750.000</b>	<b>10.257.500.000</b>	-	<b>10.687.250.000</b>	<b>10.687.250.000</b>
<b>b) Vay dài hạn</b>	<b>80.430.674.625</b>	<b>80.430.674.625</b>	<b>(146.736.144)</b>	<b>(36.087.113.000)</b>	<b>116.664.523.769</b>	<b>116.664.523.769</b>
Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang	83.873.253.185	83.873.253.185	40.441.757.516	(28.652.400.000)	72.083.895.669	72.083.895.669
<i>Khoản vay của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang (iii)</i>	16.403.256.580	16.403.256.580	13.196.256.580	(145.000.000)	3.352.000.000	3.352.000.000
<i>Khoản vay của Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO (iv)</i>	37.739.996.605	37.739.996.605	(2.484.499.064)	(28.507.400.000)	68.731.895.669	68.731.895.669
Vay dài hạn Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Tiền Giang	2.172.163.940	2.172.163.940	(5.878.376.160)	(1.833.338.000)	9.883.878.100	9.883.878.100
<i>Khoản vay của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang</i>	-	-	(2.154.675.000)	(1.833.338.000)	3.988.013.000	3.988.013.000
<i>Khoản vay của Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO (v)</i>	2.172.163.940	2.172.163.940	(3.723.701.160)	-	5.895.865.100	5.895.865.100

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

#### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	31/12/2018		Trong năm		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn Quỹ Đầu tư Phát triển Tiền Giang (vi)	21.208.257.500	21.208.257.500	(5.794.117.500)	(5.601.375.000)	32.603.750.000	32.603.750.000
Vay dài hạn cá nhân (vii)	2.907.000.000	2.907.000.000	814.000.000	-	2.093.000.000	2.093.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>286.311.145.227</b>	<b>286.311.145.227</b>	<b>458.848.753.765</b>	<b>(421.946.866.220)</b>	<b>249.409.257.682</b>	<b>249.409.257.682</b>

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có chi tiết vay và nợ chủ yếu như sau:

- (i) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2018/433488/HĐTD ngày 26 tháng 10 năm 2018 với hạn mức tín dụng là 100.000.000.000 VND, thời hạn của Hợp đồng tín dụng 12 tháng từ ngày 26 tháng 10 năm 2018 đến ngày 26 tháng 10 năm 2019 và 8 tháng cho từng khoản vay cụ thể. Khoản vay này chịu lãi suất theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất Ngân hàng trong từng thời kỳ, lãi suất áp dụng là 7,6%/năm - 8%/năm (năm 2017: 6%/năm - 8%/năm). Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động kinh doanh gia công các sản phẩm cơ khí, cửa công công trình thủy lợi và thi công các công trình. Công ty sử dụng quyền sử dụng đất tại số 90, đường Đinh Bộ Lĩnh, phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang (xem Thuyết minh số VIII.1), tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 11.382.639.380 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 5.461.950.890 VND) (xem Thuyết minh số V.10), toàn bộ số dư tiền ngân hàng gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang (xem Thuyết minh số V.1) và quyền đòi nợ (khoản phải thu) (xem Thuyết minh số V.3) để thế chấp cho khoản vay này.

Ngoài ra, Công ty còn ký kết với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang Hợp đồng cấp bảo lãnh hạn mức số 01/2018/433488/HĐBL ngày 26 tháng 10 năm 2018 với hạn mức bảo lãnh là 200.000.000.000 VND, thời hạn bảo lãnh 12 tháng từ ngày 26 tháng 10 năm 2018 đến ngày 26 tháng 10 năm 2019. Như điều kiện đảm bảo tại Hợp đồng tín dụng hạn mức được trình bày ở trên, Công ty còn ký quỹ 5%/giá trị bảo lãnh bằng tiền gửi không kỳ hạn của Bên được bảo lãnh hoặc cầm cố bằng hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn để đảm bảo cho các Hợp đồng cấp bảo lãnh này (xem Thuyết minh số V.1 và số V.2a). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, số dư bảo lãnh của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang cho Công ty là 158.344.035.809 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 81.689.434.640 VND). Bên cạnh đó, Công ty còn được Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang cấp các cam kết tín dụng khi thực hiện thi công các công trình, số tiền được cấp cam kết theo từng gói thầu thi công với số dư bảo lãnh tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 146.457.871.800 VND.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

#### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (ii) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang của Công ty TNHH MTV Bê tông TICCOCO (công ty con) theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 02/2018/1678922/HĐTD ngày 7 tháng 12 năm 2018. Hạn mức tín dụng là 100.000.000.000 VND, thời hạn của Hợp đồng tín dụng đến hết ngày 29 tháng 11 năm 2019. Khoản vay này chịu lãi suất theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể, lãi suất áp dụng từ 5%/năm đến 6,8%/năm (năm 2017: từ 5%/năm đến 6,8%/năm). Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động kinh doanh bê tông thương phẩm, bê tông đúc sẵn. Công ty đã sử dụng toàn bộ các tài sản cố định hữu hình (xem Thuyết minh số V.10) và quyền sử dụng đất (xem Thuyết minh số V.11), toàn bộ số dư tiền ngân hàng gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang (xem Thuyết minh số V.1) và quyền đòi nợ (khoản phải thu) (xem Thuyết minh số V.3) để đảm bảo cho các khoản vay này.

Ngoài ra, Công ty TNHH MTV Bê tông TICCOCO còn ký kết với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang Hợp đồng cấp bảo lãnh hạn mức số 02/2018/1678922/HĐBL ngày 7 tháng 12 năm 2018 với hạn mức bảo lãnh là 10.000.000.000 VND và thời hạn đến hết ngày 29 tháng 11 năm 2019. Như điều kiện đảm bảo tại Hợp đồng tín dụng hạn mức được trình bày ở trên, Công ty TNHH MTV Bê tông TICCOCO còn ký quỹ 10% số tiền bảo lãnh khi phát hành thư đảm bảo và 50% giá trị bảo lãnh khi phát hành thư bảo lãnh thanh toán. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, số dư bảo lãnh của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang cho Công ty là 1.276.952.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 2.801.097.608 VND).

- (iii) Các khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang với chi tiết như sau:

- Khoản vay thứ 1 Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang theo Hợp đồng tín dụng số 02/2017/433488/HĐTD ngày 19 tháng 12 năm 2017 với số tiền vay là 4.190.000.000 VND, thời hạn của Hợp đồng tín dụng là 60 tháng, không ân hạn. Công ty trả số tiền vay trong 20 kỳ, mỗi kỳ 3 tháng. Khoản vay này chịu lãi suất ưu đãi 8,5%/năm trong 12 tháng kể từ khi giải ngân, sau thời gian ưu đãi lãi suất bằng lãi suất trả sau kỳ hạn 24 tháng đối với khách hàng vay cá nhân + 3,5%/năm nhưng không thấp hơn lãi suất thông báo của Ngân hàng từng thời điểm điều chỉnh và không cao hơn lãi suất Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh. Mục đích của khoản vay để mua 3 xe trộn bê tông Hyundai HD270. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay để thế chấp cho khoản vay này, giá trị còn lại của các tài sản thế chấp tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 4.966.920.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 5.518.800.000 VND) (xem Thuyết minh số V.10). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, số dư khoản vay này là 3.352.000.000 VND, trong đó số dư nợ vay đến hạn trả là 838.000.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: số dư khoản vay là 4.190.000.000 VND, trong đó số dư nợ vay đến hạn trả là 838.000.000 VND).
- Khoản vay thứ 2 theo Hợp đồng tín dụng số 01/2018/433488/HĐTD ngày 28 tháng 3 năm 2018 và Văn bản sửa đổi, bổ sung HĐTD ngày 01 tháng 6 năm 2018 với số tiền vay là 2.900.000.000 VND, thời hạn của Hợp đồng tín dụng là 60 tháng, không ân hạn. Công ty trả số tiền vay trong 20 kỳ, mỗi kỳ 3 tháng. Khoản vay này chịu lãi suất ưu đãi 9,5%/năm trong 12 tháng kể từ khi giải ngân, sau thời gian ưu đãi lãi suất bằng lãi suất trả sau kỳ hạn 24 tháng + 3,5%/năm nhưng không thấp hơn lãi suất thông báo của Ngân hàng từng thời điểm điều chỉnh và không cao hơn lãi suất của ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh. Mục đích của khoản vay để mua trạm trộn bê tông 120m<sup>3</sup>/h. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay để thế chấp cho khoản vay này, giá trị còn lại của các tài sản thế chấp tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 3.877.657.153 VND (xem Thuyết minh số V.10). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, số dư khoản vay này là 2.465.000.000 VND, trong đó số dư nợ vay đến hạn trả là 580.000.000 VND.

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

#### **Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

- Khoản vay thứ 3 theo Hợp đồng tín dụng số 02/2018/433488/HĐTD ngày 23 tháng 5 năm 2018 với số tiền vay là 8.400.000.000 VND, thời hạn của Hợp đồng tín dụng là 84 tháng, không ân hạn. Công ty trả số tiền vay trong 28 kỳ, mỗi kỳ 3 tháng. Khoản vay này chịu lãi suất ưu đãi 9,5%/năm trong 12 tháng kể từ khi giải ngân, sau thời gian ưu đãi lãi suất bằng lãi suất trả sau kỳ hạn 24 tháng + 4%/năm nhưng không thấp hơn lãi suất thông báo của Ngân hàng từng thời điểm điều chỉnh và không cao hơn lãi suất Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh. Mục đích của khoản vay để mua 6 xe trộn bê tông Hyundai HD270. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay để thế chấp cho khoản vay này, giá trị còn lại của các tài sản thế chấp tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 10.086.664.896 VND (xem Thuyết minh số V.10). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, số dư khoản vay này là 7.800.000.000 VND, trong đó số dư nợ vay đến hạn trả là 1.200.000.000 VND.
- Khoản vay thứ 4 theo Hợp đồng tín dụng số 03/2018/433488/HĐTD ngày 6 tháng 4 năm 2018 với số tiền vay là 2.390.000.000 VND, thời hạn của Hợp đồng tín dụng là 60 tháng, không ân hạn. Công ty đã rút vốn vay trong năm 2018 với số tiền là 2.389.844.400 VND, Công ty trả số tiền vay trong 20 kỳ, mỗi kỳ 3 tháng. Khoản vay này chịu lãi suất ưu đãi 9,5%/năm trong 12 tháng kể từ khi giải ngân, sau thời gian ưu đãi lãi suất bằng lãi suất trả sau kỳ hạn 24 tháng + 3,5%/năm nhưng không thấp hơn lãi suất thông báo của Ngân hàng từng thời điểm điều chỉnh và không cao hơn lãi suất Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh. Mục đích của khoản vay để mua 15 bộ khuôn cọc D500mm x L15.4m, 5 bộ khuôn D600mm x L15.4m và thiết bị gia tốc kèm theo. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay để thế chấp cho khoản vay này, giá trị còn lại của các tài sản thế chấp tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 3.255.597.340 VND (xem Thuyết minh số V.10). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, số dư khoản vay này là 2.150.844.400 VND, trong đó số dư nợ vay đến hạn trả là 478.000.000 VND.
- Khoản vay thứ 5 theo Hợp đồng tín dụng số 04/2018/433488/HĐTD ngày 14 tháng 6 năm 2018 với số tiền vay là 3.300.000.000 VND, thời hạn của Hợp đồng tín dụng là 84 tháng, không ân hạn. Công ty đã rút vốn vay trong năm 2018 với số tiền là 3.176.422.000 VND, Công ty trả số tiền vay trong 28 kỳ, mỗi kỳ 3 tháng. Khoản vay này chịu lãi suất ưu đãi 9,5%/năm trong 12 tháng kể từ khi giải ngân, sau thời gian ưu đãi lãi suất bằng lãi suất trả sau kỳ hạn 24 tháng + 4%/năm nhưng không thấp hơn lãi suất thông báo của Ngân hàng từng thời điểm điều chỉnh và không cao hơn lãi suất Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh. Mục đích của khoản vay để mua 1 xe tải hiệu Hyundai HD210 và 1 bơm bê tông Putzmeister. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay để thế chấp cho khoản vay này, các tài sản này đang trong giai đoạn hoàn thiện có giá trị đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 4.801.377.965 VND (xem Thuyết minh số V.13). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, số dư khoản vay này là 2.941.422.000 VND, trong đó số dư nợ vay đến hạn trả là 470.000.000 VND.
- Khoản vay thứ 6 theo Hợp đồng tín dụng số 04/2018/433488/HĐTD ngày 13 tháng 7 năm 2018 với số tiền vay là 1.679.990.180 VND, thời hạn của Hợp đồng tín dụng là 60 tháng, không ân hạn. Công ty đã rút vốn vay trong năm 2018 với số tiền là 3.176.422.000 VND, Công ty trả số tiền vay trong 28 kỳ, mỗi kỳ 3 tháng. Khoản vay này chịu lãi suất ưu đãi 9,5%/năm trong 12 tháng kể từ khi giải ngân, sau thời gian ưu đãi lãi suất bằng lãi suất trả sau kỳ hạn 24 tháng + 4%/năm nhưng không thấp hơn lãi suất thông báo của Ngân hàng từng thời điểm điều chỉnh và không cao hơn lãi suất Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh. Mục đích của khoản vay để mua 20 bộ khuôn cọc tròn D350mm. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay để thế chấp cho khoản vay này, giá trị còn lại của các tài sản thế chấp tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 2.377.317.375 VND (xem Thuyết minh số V.10), số dư khoản vay này là 1.595.990.180 VND, trong đó số dư nợ vay đến hạn trả là 336.000.000 VND.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

#### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(iv) Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang của Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO (Công ty con) với chi tiết như sau:

- Hợp đồng tín dụng số 04/2015/1678922/HĐTD ngày 22 tháng 12 năm 2015 và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 02/2016/1678922/HĐTD ngày 13 tháng 12 năm 2016 với hạn mức 117.000.000.000 VND, thời hạn vay là 6 năm. Mục đích của khoản vay để đầu tư dự án Nhà máy Sản xuất bê tông đúc sẵn và bê tông thương phẩm tại Chi nhánh Bê tông Tân Phước. Khoản vay được ân hạn 12 tháng, lãi vay áp dụng từ 8%/năm đến 10,2%/năm (năm 2017: 8%/năm). Số dư nợ vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 38.136.658.925 VND, trong đó số dư nợ vay đến hạn trả là 23.400.000.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 59.087.078.125 VND).
- Hợp đồng tín dụng số 02/2017/1678922/HĐTD ngày 6 tháng 6 năm 2017 và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 02/2017/1678922/HĐTD ngày 14 tháng 6 năm 2017 với hạn mức 19.317.148.957 VND, thời hạn vay 5 năm. Mục đích của khoản vay để đầu tư dự án Cải tạo xưởng sản xuất cọc ống tại Nhà máy Bê tông TICCO Mỹ tho. Lãi vay áp dụng từ 10,2%/năm đến 10,5%/năm (năm 2017: 10,5%/năm). Số dư nợ vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 7.701.779.424 VND, trong đó số dư nợ vay đến hạn trả là 3.860.000.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 8.397.417.544 VND).
- Hợp đồng tín dụng số 01/2018/1678922/HĐTD ngày 19 tháng 9 năm 2018 với hạn mức 49.546.212.384 VND, thời hạn vay là 6 năm. Mục đích vay thực hiện dự án Đầu tư xưởng ống cống Nhà máy Bê tông Tân Phước. Lãi vay áp dụng lãi suất thả nổi điều chỉnh 6 tháng 1 lần, lãi suất áp dụng 10,2%/năm. Số dư nợ vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 21.631.558.256 VND, trong đó số dư nợ vay đến hạn trả là 2.470.000.000 VND.

Công ty đã sử dụng toàn bộ các tài sản cố định hữu hình (xem Thuyết minh số V.10) và quyền sử dụng đất (xem Thuyết minh số V.11), toàn bộ số dư tiền ngân hàng gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang (xem Thuyết minh số V.1) và quyền đòi nợ (khoản phải thu) (xem Thuyết minh số V.3) để đảm bảo cho các khoản vay này.

- (v) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Tiền Giang của Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO (công ty con) theo Hợp đồng tín dụng số 2385/15/TD/XXVI ngày 20 tháng 7 năm 2015 với hạn mức là 19.000.000.000 VND, thời hạn vay là 5 năm. Mục đích của khoản vay để đầu tư thiết bị thực hiện dự án "Đầu tư xây dựng hạ tầng và thiết bị Trạm sản xuất bê tông tươi giai đoạn 1 - đợt 1" (Đầu tư xây dựng hạ tầng và thiết bị Trạm sản xuất bê tông tươi). Khoản vay được trả hàng tháng, lãi vay 7,5%/năm (năm 2017: 7,5%/năm). Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO đã sử dụng các tài sản hình thành từ vốn vay để đảm bảo cho khoản vay này (xem Thuyết minh số V.10). Số dư nợ vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 5.895.865.100 VND, trong đó nợ vay đến hạn trả là 3.723.701.160 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 9.619.566.260 VND, trong đó số dư nợ vay đến hạn trả là 3.723.701.160 VND).
- (vi) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty còn khoản vay dài hạn Quỹ Đầu tư Phát triển Tiền Giang theo Hợp đồng tín dụng số 2/2017/HĐTD ngày 26 tháng 7 năm 2017 với hạn mức tín dụng là 58.000.000.000 VND, thời hạn của Hợp đồng tín dụng là 36 tháng, thời gian ân hạn là 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Sau thời gian ân hạn, số tiền vay được trả thành 8 kỳ mỗi kỳ 3 tháng. Khoản vay của Hợp đồng tín dụng này chịu lãi suất 7,2%/năm. Mục đích của khoản vay để đầu tư xây dựng đường Nguyễn Trãi nối dài và Khu Dân cư 2 bên đường. Công ty sử dụng các quyền sử dụng đất của dự án Khu nhà ở thương mại xã Trung An và dự án Khu Dân cư Long Thạnh Hưng (xem Thuyết minh số V.8) và 3 xe trộn bê tông mua theo Hợp đồng mua bán xe ô tô số 173/18082017/NP-TG ngày 18 tháng 8 năm 2017 để thế chấp cho khoản vay này, giá trị còn lại của các tài sản thế chấp này tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 4.952.054.532 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 5.523.445.452 VND) (xem Thuyết minh số V.10). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, số dư khoản vay này là 49.485.937.500 VND, trong đó số dư nợ vay đến hạn trả là

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

28.277.680.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, số dư khoản vay này là 28.726.000.000 VND, trong đó số dư nợ vay đến hạn trả là 3.590.750.000 VND).

- (vii) Công ty vay lại các hộ gia đình thuộc diện đền bù, giải tỏa trong dự án Khu Dân cư Nguyễn Trãi với thời hạn từ 15 tháng đến 20 tháng không có trả lãi, quá hạn không thanh toán, lãi suất được tính 6%/năm.

**22. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

	<u>31/12/2018</u>	<u>31/12/2017</u>
Dự phòng phải trả các công trình cơ khí	475.837.325	526.269.451
Dự phòng phải trả các công trình thi công xây dựng	4.763.073.653	5.183.625.894
<b>Cộng</b>	<b><u>5.238.910.978</u></b>	<b><u>5.709.895.345</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Số đầu năm	Trích lập các quỹ từ lợi nhuận (*)	Chi/ sử dụng các quỹ	Khấu hao TSCĐ hình thành từ quỹ phúc lợi	Thoái vốn	Số cuối năm
<b>Năm 2017</b>						
Quỹ khen thưởng	1.077.059.531	2.590.451.716	(2.230.343.181)	-	-	1.437.168.066
Quỹ phúc lợi	2.061.601.517	2.590.451.716	(3.521.471.619)	-	-	1.130.581.614
Quỹ phúc lợi đã hình thành TSCĐ	39.078.855	-	-	(20.388.960)	-	18.689.895
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	1.861.195.365	4.677.175.708	(3.808.000.000)	-	-	2.730.371.073
<b>Cộng</b>	<b>5.038.935.268</b>	<b>9.858.079.140</b>	<b>(9.559.814.800)</b>	<b>(20.388.960)</b>	-	<b>5.316.810.648</b>
<b>Năm 2018</b>						
Quỹ khen thưởng	1.437.168.066	2.785.552.618	(602.000.000)	-	-	3.620.720.684
Quỹ phúc lợi	1.130.581.614	12.070.728.011	(1.596.118.000)	-	(3.066.362)	11.602.125.263
Quỹ phúc lợi đã hình thành TSCĐ	18.689.895	-	-	(18.689.895)	-	-
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	2.730.371.073	-	-	-	-	2.730.371.073
<b>Cộng</b>	<b>5.316.810.648</b>	<b>14.856.280.629</b>	<b>(2.198.118.000)</b>	<b>(18.689.895)</b>	<b>(3.066.362)</b>	<b>17.953.217.020</b>

(\*) Xem trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế tại Thuyết minh số V.24.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

#### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 24. Vốn chủ sở hữu

##### Tình hình biến động vốn chủ sở hữu trong năm và năm trước

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
<b>01/01/2017</b>	<b>119.999.070.000</b>	<b>5.700.930.000</b>	<b>36.355.278.439</b>	<b>108.247.712.931</b>	<b>5.336.275.875</b>	<b>275.639.267.245</b>
Lợi nhuận năm 2017	-	-	-	92.851.753.928	(1.024.470.019)	91.827.283.909
Trích lập các quỹ	-	-	8.634.839.054	(18.492.918.194)	-	(9.858.079.140)
Chia cổ tức	-	-	-	(35.999.721.000)	-	(35.999.721.000)
Điều chỉnh khác	-	-	-	55.402.834	-	55.402.834
<b>31/12/2017</b>	<b>119.999.070.000</b>	<b>5.700.930.000</b>	<b>44.990.117.493</b>	<b>146.662.230.499</b>	<b>4.311.805.856</b>	<b>321.664.153.848</b>
<b>01/01/2018</b>	<b>119.999.070.000</b>	<b>5.700.930.000</b>	<b>44.990.117.493</b>	<b>146.662.230.499</b>	<b>4.311.805.856</b>	<b>321.664.153.848</b>
Cổ phần công ty con	-	-	-	-	5.000.000.000	5.000.000.000
Thoái vốn công ty con	-	-	(578.302.699)	578.302.699	(4.311.805.856)	(4.311.805.856)
Lợi nhuận năm 2018	-	-	-	76.673.704.511	1.840.281.454	78.513.985.965
Trích lập các quỹ	-	-	18.570.350.786	(33.426.631.415)	-	(14.856.280.629)
Chia cổ tức	11.998.620.000	-	-	(47.998.341.000)	(250.000.000)	(36.249.721.000)
Điều chỉnh khác	-	-	-	(394.057.248)	-	(394.057.248)
<b>31/12/2018</b>	<b>131.997.690.000</b>	<b>5.700.930.000</b>	<b>62.982.165.580</b>	<b>142.095.208.046</b>	<b>6.590.281.454</b>	<b>349.366.275.080</b>

Công ty đã thực hiện trích lập các quỹ và phân phối lợi nhuận năm 2017 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 số 01/NQ.ĐHĐCĐ và được Đại hội đồng cổ đông thông qua Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông số 01/BB-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 4 năm 2018. Trong đó, cổ tức năm 2017 được chia bằng mức 40% vốn điều lệ tỷ lệ bao gồm cổ tức chi trả bằng tiền bằng 30% vốn điều lệ với số tiền là 35.999.721.000 VND và cổ tức chi trả bằng cổ phiếu bằng 10% vốn điều lệ với số tiền là 11.998.620.000 VND, Công ty đã đăng ký phát hành thêm 1.199.862 cổ phiếu tương ứng với vốn điều lệ tăng lên là 11.998.620.000 VND.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****Cổ phiếu**

	<u>31/12/2018</u>	<u>31/12/2017</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.199.769	11.999.907
Số lượng cổ phiếu đã chào bán ra công chúng	13.199.769	11.999.907
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.199.769</i>	<i>11.999.907</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.199.769	11.999.907
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.199.769</i>	<i>11.999.907</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu.

**25. Khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất****Ngoại tệ các loại**

	<u>Đơn vị tính</u>	<u>31/12/2018</u>	<u>31/12/2017</u>
Đô la Mỹ	USD	585,95	15.972,35
Đồng tiền chung Châu Âu	EUR	3.452,10	3.462,88

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Đơn vị tính: VND

**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm 2018</u>	<u>Năm 2017</u>
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>960.464.544.579</b>	<b>909.853.604.471</b>
Doanh thu bán vật liệu xây dựng	37.794.649.708	12.943.451.448
Doanh thu bán bê tông	672.306.833.419	631.810.032.907
Doanh thu thi công công trình xây dựng	191.573.188.080	169.844.330.035
Doanh thu gia công sản phẩm cơ khí	3.330.738.166	2.560.202.728
Doanh thu thi công cơ giới	-	797.968.672
Doanh thu kinh doanh bất động sản	55.459.135.206	91.897.618.681
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>3.777.356.364</b>	<b>-</b>
Giảm giá hàng bán	3.777.356.364	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>956.687.188.215</b>	<b>909.853.604.471</b>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****2. Giá vốn hàng bán**

	<b>Năm 2018</b>	<b>Năm 2017</b>
Giá vốn bán vật liệu xây dựng	28.527.881.844	5.861.239.967
Giá vốn bán bê tông	531.191.065.201	488.251.987.025
Giá vốn thi công công trình xây dựng	170.590.653.672	156.656.975.361
Giá vốn gia công sản phẩm cơ khí	413.977.015	2.231.314.756
Giá vốn thi công cơ giới	35.272.064	706.565.042
Giá vốn kinh doanh bất động sản (xem Thuyết minh I.5)	(723.716.211)	29.859.845.690
<b>Cộng</b>	<b>730.035.133.585</b>	<b>683.567.927.841</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

Lãi tiền gửi ngân hàng	6.794.902.573	9.943.687.592
Lãi chuyển nhượng công ty con	1.288.866.896	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.146.594	10.426.809
<b>Cộng</b>	<b>8.085.389.016</b>	<b>9.954.433.551</b>

**4. Chi phí tài chính**

Chi phí lãi vay	14.609.086.857	7.623.489.285
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.904.673	2.810.585
<b>Cộng</b>	<b>14.610.991.530</b>	<b>7.626.299.870</b>

**5. Chi phí bán hàng**

Chi phí nhân viên	11.457.224.213	11.211.355.281
Chi phí vật liệu, bao bì	24.506.372.561	20.161.555.176
Chi phí dụng cụ đồ dùng	19.121.824	1.081.818
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.377.356.940	6.391.342.411
Chi phí dịch vụ mua ngoài	40.975.309.886	26.324.344.643
Chi phí bằng tiền khác	4.119.688.532	3.951.201.567
<b>Cộng</b>	<b>87.455.073.956</b>	<b>68.040.880.896</b>

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí nhân viên quản lý	17.668.484.480	33.397.490.893
Chi phí nguyên vật liệu quản lý	1.240.863.937	790.671.385
Chi phí dụng cụ quản lý	894.143.941	898.761.428
Chi phí khấu hao	1.446.549.348	895.460.406
Thuế phí và lệ phí	1.319.485.573	1.350.274.093
Chi phí dự phòng	3.959.746.882	1.906.404.330
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.153.547.749	1.161.297.656
Chi phí bằng tiền khác	8.308.913.124	9.211.588.872
<b>Cộng</b>	<b>35.991.735.034</b>	<b>49.611.949.063</b>

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****7. Lợi nhuận (lỗ) khác**

	<u>Năm 2018</u>	<u>Năm 2017</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán TSCĐ	553.934.565	1.812.545.183
Thu thanh lý vật tư, CCDC	230.706.363	-
Hoàn nhập chi bảo hành công trình xây dựng	1.572.097.669	1.059.897.214
Thu tiền phạt vi phạm hợp đồng	22.000.000	96.320.055
Thu tiền điện, nước kiot cho thuê	163.576.193	27.856.727
Thu nhập khác	197.070.712	31.921.496
<b>Thu nhập khác</b>	<b><u>2.739.385.502</u></b>	<b><u>3.028.540.675</u></b>
Chi phí thanh lý CCDC	-	137.782.472
Chi phí khấu hao của TSCĐ không hoạt động và phân bổ CCDC chưa sử dụng	47.661.788	3.290.766.555
Chi phí điện, tiền nước kiot cho thuê	192.409.719	18.718.049
Chi phí khác	255.215.582	364.645.524
<b>Chi phí khác</b>	<b><u>495.287.089</u></b>	<b><u>3.811.912.600</u></b>
<b>Lợi nhuận (lỗ) thuần từ hoạt động khác</b>	<b><u>2.244.098.413</u></b>	<b><u>(783.371.925)</u></b>

**8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>99.035.721.404</b>	<b>110.264.631.488</b>
<b>Điều chỉnh lợi nhuận kế toán:</b>	<b>(44.371.897)</b>	<b>9.736.749.290</b>
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	2.015.101.563	11.087.832.615
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(2.059.473.460)	(1.351.083.325)
<b>Trừ: Chuyển lỗ</b>	<b>(243.678.231)</b>	<b>-</b>
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b><u>98.747.671.276</u></b>	<b><u>120.001.380.778</u></b>
<b><u>Trong đó:</u></b>		
Lỗ không tính thuế trong năm	(3.211.764.330)	(2.271.412.329)
Thu nhập chịu thuế trong năm của hoạt động không ưu đãi	68.990.556.880	50.958.474.936
Thu nhập chịu thuế trong kỳ của hoạt động ưu tại huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang	16.889.275.668	22.554.217.415
Thu nhập chịu thuế trong kỳ của hoạt động ưu đãi tại Khu Công nghiệp Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	12.867.838.728	24.202.280.164
Thu nhập chịu thuế điều chỉnh năm 2016	-	731.590.218
Thu nhập chịu thuế điều chỉnh năm 2014 và 2015	-	3.066.889.161
Thu nhập chịu thuế điều chỉnh năm 2011, 2012 và 2013	-	20.759.341.213
<b><u>Thuế suất áp dụng</u></b>		
Thuế suất áp dụng hoạt động ưu đãi tại huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang	10%	10%
Thuế suất áp dụng hoạt động ưu đãi tại Khu Công nghiệp Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	15%	15%
Thuế suất phổ thông từ năm 2016 trở đi	20%	20%
Thuế suất phổ thông năm 2014 và năm 2015	22%	22%
Thuế suất phổ thông từ năm 2011 đến năm 2013	25%	25%

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	<b>Năm 2018</b>	<b>Năm 2017</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>18.059.567.619</b>	<b>22.088.327.716</b>
Trừ: Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn	(1.688.927.567)	(2.255.421.742)
Trừ: Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	-	(1.815.171.012)
Cộng: Bỏ sung thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước	964.536.805	107.039.075
Cộng: Chênh lệch thuế tạm nộp 1% trên số tiền thu chuyển nhượng quyền sử dụng đất trong năm	(307.671.892)	(188.518.254)
Cộng: Thuế tạm nộp 1% trên số tiền thu chuyển nhượng quyền sử dụng đất bỏ sung năm trước	-	409.284.346
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>17.027.504.965</b>	<b>18.345.540.128</b>

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh như sau:

- Đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh tại Khu Công nghiệp Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang của Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO (công ty con), Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp: Mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 15% tính trên thu nhập chịu thuế trong vòng 12 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh (năm 2007) và 20% trong những năm tiếp theo. Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi (từ năm 2008 đến năm 2010) và được giảm 50% trong 7 năm tiếp theo (từ năm 2011 đến năm 2017). Năm 2018 là năm thứ 8 Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO chịu thuế suất áp dụng là 15%.
- Đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh của Chi nhánh Bê Tông Tân Phước, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang của Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO (công ty con) và Công ty TNHH MTV Cọc TICCO (công ty con cấp 2), Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO và Công ty TNHH MTV Cọc TICCO được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp: Mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 10% tính trên thu nhập chịu thuế trong vòng 15 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh (năm 2017) và 20% trong những năm tiếp theo. Công ty TNHH MTV Cọc TICCO được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi (từ năm 2017 đến năm 2020) và được giảm 50% trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2021 đến năm 2029). Năm 2018 là năm thứ 2 Chi nhánh Bê Tông Tân Phước của Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO và Công ty TNHH MTV Cọc TICCO có lãi nên được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh ngoài Khu Công nghiệp Mỹ Tho và huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang và thu nhập khác, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế suất 20% tính trên thu nhập chịu thuế.
- Đối với các dự án kinh doanh bất động sản (bán nền đất) chưa hoàn thành, Công ty tạm trích thuế thu nhập doanh nghiệp trên 1% số tiền tạm thu được trong kỳ theo quy định.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****9. Lãi trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản và lãi trên cổ phiếu suy giảm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

**a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2018	Năm 2017
Lợi nhuận kế toán sau thuế	76.673.704.511	92.851.753.928
Trừ: Số tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(4.600.422.271)	(5.571.105.236)
<b>Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>72.073.282.240</b>	<b>87.280.648.692</b>
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	12.640.929	11.999.907
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>5.702</b>	<b>7.273</b>

**b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

<b>Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>72.073.282.240</b>	<b>87.280.648.692</b>
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp để tính lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông khi xác định lãi suy giảm trên cổ phiếu	-	-
<b>Lợi nhuận thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng</b>	<b>72.073.282.240</b>	<b>87.280.648.692</b>
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	12.640.929	11.999.907
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành đã được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng</b>	<b>12.640.929</b>	<b>11.999.907</b>
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>5.702</b>	<b>7.273</b>

**10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

Chi phí nguyên vật liệu, vật liệu	660.292.388.592	573.201.115.758
Chi phí nhân viên	93.974.303.571	103.088.412.110
Chi phí khấu hao	35.132.783.483	21.772.428.436
Chi phí dịch vụ mua ngoài	86.064.582.037	67.104.437.924
Chi phí bằng tiền khác	37.388.649.374	40.201.492.837
<b>Cộng</b>	<b>912.852.707.057</b>	<b>805.367.887.066</b>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

#### VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

1. Các giao dịch không bằng tiền không ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên không được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

	<u>Năm 2018</u>	<u>Năm 2017</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng phải thu	975.782.393	1.890.049.492
Tài sản cố định đã được mua sắm/ xây dựng từ tiền đã trả năm trước	737.603.000	185.900.000
Nhượng bán công ty con đã thu năm trước	10.000.000.000	-
Phải trả tiền mua sắm/ xây dựng tài sản cố định	1.898.391.818	6.229.463.582
Chi phí lãi vay phải trả	325.346.725	316.383.055
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	11.998.620.000	-
Cổ tức đã tạm ứng ở năm trước	<u>11.999.907.000</u>	<u>-</u>

2. Các khoản giao dịch bằng tiền có ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Trả trước tiền mua sắm/ xây dựng tài sản cố định	372.900.000	1.062.306.200
Tạm ứng tiền mua sắm/ xây dựng tài sản cố định	-	3.529.020.000
Tiền mua sắm/ xây dựng tài sản cố định phải trả năm trước đã trả trong năm	5.859.008.576	72.727.273
Lãi tiền gửi ngân hàng phải thu năm trước đã thu trong năm	1.890.049.492	2.049.964.243
Chi phí lãi vay phải trả năm trước đã trả trong năm	316.383.055	187.547.303
Thu trước tiền thanh lý, nhượng bán công ty con	-	10.000.000.000
Tạm ứng cổ tức	<u>15.839.722.800</u>	<u>11.999.907.000</u>

#### VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thuê hoạt động

##### *Công ty là bên đi thuê*

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang sẽ được thanh toán như sau:

	<u>31/12/2018</u>	<u>31/12/2017</u>
Trong vòng 1 năm	1.079.318.279	1.249.245.711
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	4.317.273.116	4.996.982.844
Trên 5 năm	34.395.273.019	41.687.428.241
<b>Cộng</b>	<u><b>39.791.864.414</b></u>	<u><b>47.933.656.796</b></u>

Cam kết thuê hoạt động được thể hiện ở các khoản thanh toán tiền thuê đất, thuê bến bãi theo các hợp đồng như sau:

- Hợp đồng thuê đất số 2166/HĐTĐ ngày 23 tháng 12 năm 2008 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang với Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang về việc thuê 21.482,4 m<sup>2</sup> đất tại số 90 Đinh Bộ Lĩnh, phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang để làm trụ sở hoạt động kinh doanh của Công ty, thời hạn thuê là từ ngày 25 tháng 11 năm 2008 đến ngày 01 tháng 01 năm 2047, tiền thuê đất hàng năm là 322.012.471 VND.

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

#### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất tại số 90, đường Đinh Bộ Lĩnh, phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang (xem Thuyết minh số 21).

- Hợp đồng thuê đất số 1701/HĐTĐ ngày 24 tháng 4 năm 2017 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang với Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang về việc thuê 1.822,3 m<sup>2</sup> đất tại số 90 Đinh Bộ Lĩnh, phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang cho hoạt động kinh doanh của Công ty, thời hạn thuê là từ ngày 22 tháng 3 năm 2017 đến ngày 01 tháng 01 năm 2047, tiền thuê đất hàng năm là 4.236.848 VND.
- Hợp đồng thuê đất số 5125/HĐTĐ ngày 15 tháng 12 năm 2016 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang với Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang về việc thuê 118.574,5 m<sup>2</sup> đất tại ấp 4, xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang để xây dựng nhà máy sản xuất bê tông, thời hạn thuê là từ ngày 27 tháng 10 năm 2015 đến ngày 27 tháng 10 năm 2065. Tiền thuê đất hàng năm là 249.006.450 VND, Công ty được miễn tiền thuê đất từ ngày 15 tháng 6 năm 2016 đến ngày 31 tháng 10 năm 2028.
- Hợp đồng thuê lại đất số 01/HĐ/TLĐ ngày 15 tháng 11 năm 2003, Phụ lục hợp đồng ngày 15 tháng 11 năm 2003, Phụ lục số 01 ngày 18 tháng 11 năm 2004 và Phụ lục số 02 ngày 28 tháng 8 năm 2008 giữa Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO (công ty con) với Công ty Phát triển Hạ tầng các Khu Công nghiệp Tiền Giang về việc thuê 37.805 m<sup>2</sup> đất thuộc lô đất số 1-6 Khu Công nghiệp Mỹ Tho, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, thời hạn thuê là 44 năm bắt đầu từ ngày 15 tháng 11 năm 2003, đơn giá thuê là 0,6 USD/ m<sup>2</sup>/ năm.
- Hợp đồng thuê bãi số 38/HĐ.BB ngày 19 tháng 7 năm 2006 và Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 28 tháng 8 năm 2008 giữa Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO (công ty con) với Công ty Phát triển hạ tầng các Khu Công nghiệp Tiền Giang về việc thuê 9.721 m<sup>2</sup> đất có chiều dài cặp theo bờ sông Tiền 13 m và kênh Xáng Cụt là 355 m trong Khu Công nghiệp Mỹ Tho, xã Trung An, tỉnh Tiền Giang, thời hạn thuê là 40 năm bắt đầu từ ngày 19 tháng 7 năm 2006, đơn giá thuê là 1 USD/m<sup>2</sup>/năm.

#### **Công ty là bên cho thuê**

Công ty hiện đang cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản thu tiền cho thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

	<u>31/12/2018</u>	<u>31/12/2017</u>
Trong vòng 1 năm	2.112.345.454	786.545.456
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	8.315.543.273	2.098.909.091
Sau 5 năm	221.454.546	1.136.999.997
<b>Cộng</b>	<b><u>10.649.343.273</u></b>	<b><u>4.022.454.544</u></b>

Các khoản thu tiền cho thuê hoạt động thể hiện:

- Hợp đồng cho thuê tòa nhà văn phòng theo Hợp đồng số 0597/18/HVB ngày 28 tháng 8 năm 2019 do Công ty làm chủ sở hữu tại địa chỉ ấp 5, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, thời hạn cho thuê là 5 năm từ ngày 28 tháng 8 năm 2018, giá cho thuê trong 3 năm đầu là 136.080.000 VND/tháng và trong 2 năm cuối là 142.884.000 VND/tháng.
- Các hợp đồng cho thuê ki ốt do Công ty làm chủ sở hữu tại địa chỉ số 90 Đinh Bộ Lĩnh, phường 9, Thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, thời gian cho thuê từ 1 đến 9 năm, giá cho thuê được thỏa thuận trong suốt thời hạn của hợp đồng.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

#### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

## 2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

### *Giao dịch với bên liên quan*

#### Bên liên quan

Công ty Cổ phần Testco

#### Mối quan hệ

Công ty liên kết

Trong năm, Công ty có phát sinh nghiệp vụ với Công ty Cổ phần Testco như sau:

	<u>Năm 2018</u>	<u>Năm 2017</u>
Thuê thí nghiệm	1.001.755.456	951.963.727
Nhận cổ tức	52.000.000	41.600.000

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có số dư với Công ty Cổ phần Testco như sau:

	<u>31/12/2018</u>	<u>31/12/2017</u>
Phải trả tiền thuê thí nghiệm	207.340.801	155.019.500
Phải trả khác	13.186.591	13.186.591

### *Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt Công ty trong năm như sau:

	<u>Năm 2018</u>	<u>Năm 2017</u>
Lương, thưởng và phụ cấp	8.467.814.717	7.167.523.489
<b>Cộng</b>	<b>8.467.814.717</b>	<b>7.167.523.489</b>

## 3. Thông tin bộ phận

### *Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh*

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 6 bộ phận theo lĩnh vực hoạt động kinh doanh: Kinh doanh vật liệu xây dựng; Sản xuất, kinh doanh bê tông; Thi công công trình; Sản xuất, gia công sản phẩm cơ khí; Thi công cơ giới và Kinh doanh bất động sản. Công ty lập Báo cáo bộ phận theo 6 bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của 6 bộ phận kinh doanh trên như sau:

- Bộ phận kinh doanh vật liệu xây dựng: Đây là hoạt động kinh doanh chính của Xí nghiệp Kinh doanh Vật liệu xây dựng (xí nghiệp trực thuộc) và Công ty TNHH MTV Vật liệu xây dựng TICCO (công ty con cấp 1 từ ngày 4 tháng 4 năm 2018);
- Bộ phận sản xuất, kinh doanh bê tông: Sản xuất, kinh doanh bê tông tươi, bê tông đúc sẵn; đóng, ép cọc bê tông cốt thép các loại bằng máy thủy lực. Đây là hoạt động sản xuất, kinh doanh chính của Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO (công ty con cấp 1) và Công ty TNHH MTV Cọc TICCO (công ty con cấp 2).
- Bộ phận thi công công trình: Chủ yếu thi công công trình xây dựng thủy lợi. Đây là hoạt động kinh doanh chính Công ty; Công ty Cổ phần Xây dựng TICCO (công ty con cấp 1); Công ty TNHH MTV Xây dựng Thủy lợi TICCO (công ty con cấp 1) và Cổ phần Đầu tư, Xây dựng TICCO An Giang (công ty con trước ngày 5 tháng 4 năm 2018);
- Bộ phận sản xuất, gia công sản phẩm cơ khí: Chủ yếu sản xuất, gia công cửa công cho công trình thủy lợi. Đây là hoạt động sản xuất, kinh doanh chính của Công ty TNHH MTV Cơ khí Công trình TICCO (công ty con cấp 1);
- Bộ phận thi công cơ giới: Chủ yếu cho thuê máy móc thi công công trình thủy lợi. Đây là hoạt động kinh doanh chính của Xí nghiệp Thi công cơ giới (xí nghiệp trực thuộc trước ngày 8 tháng 3 năm 2018);

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*



## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

#### **Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

- Bộ phận kinh doanh bất động sản: Chủ yếu thực hiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại các khu dân cư; đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng: khu công nghiệp, khu dân cư, đường giao thông. Đây là một bộ phận kinh doanh của Công ty và là hoạt động kinh doanh của Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang - Sản Giao dịch Bất động sản TICCO (TICCOReal).

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

#### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thông tin về tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Kinh doanh vật liệu xây dựng	Sản xuất, kinh doanh bê tông	Thi công công trình xây dựng	Sản xuất, gia công sản phẩm cơ khí	Thi công cơ giới	Kinh doanh bất động sản	Không phân bổ	Tổng cộng các bộ phận	Loại trừ số dư giữa các bộ phận	Tổng cộng các bộ phận sau hợp nhất
<b>31/12/2018</b>										
<b>Tài sản</b>										
Tài sản bộ phận	20.806.073.671	542.396.092.191	225.538.030.947	23.357.037.438	3.000.000.000	116.577.178.474		931.674.412.721	(303.414.233.501)	628.260.179.220
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	475.095.695.169	475.095.695.169	(130.888.780.534)	344.206.914.635
<b>Tổng tài sản</b>	<b>20.806.073.671</b>	<b>542.396.092.191</b>	<b>225.538.030.947</b>	<b>23.357.037.438</b>	<b>3.000.000.000</b>	<b>116.577.178.474</b>	<b>475.095.695.169</b>	<b>1.406.770.107.890</b>	<b>(434.303.014.035)</b>	<b>972.467.093.855</b>
<b>Nợ phải trả</b>										
Nợ phải trả bộ phận	19.101.851.468	442.396.047.191	258.396.607.567	18.174.740.587	7.800.000	35.783.294.562		773.860.341.375	(290.102.433.103)	483.757.908.272
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	-	139.342.910.503	139.342.910.503	-	139.342.910.503
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>19.101.851.468</b>	<b>442.396.047.191</b>	<b>258.396.607.567</b>	<b>18.174.740.587</b>	<b>7.800.000</b>	<b>35.783.294.562</b>	<b>139.342.910.503</b>	<b>913.203.251.878</b>	<b>(290.102.433.103)</b>	<b>623.100.818.775</b>
<b>31/12/2017</b>										
<b>Tài sản</b>										
Tài sản bộ phận	26.117.402.439	459.830.756.794	161.972.276.926	14.195.543.078	4.586.599.064	73.181.396.220	-	739.883.974.521	(236.454.556.082)	503.429.418.439
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	473.597.507.342	473.597.507.342	(116.076.138.459)	357.521.368.883
<b>Tổng tài sản</b>	<b>26.117.402.439</b>	<b>459.830.756.794</b>	<b>161.972.276.926</b>	<b>14.195.543.078</b>	<b>4.586.599.064</b>	<b>73.181.396.220</b>	<b>473.597.507.342</b>	<b>1.213.481.481.863</b>	<b>(352.530.694.541)</b>	<b>860.950.787.322</b>
<b>Nợ phải trả</b>										
Nợ phải trả bộ phận	12.809.161.929	381.830.756.794	160.491.588.397	10.225.404.561	1.017.376.762	56.277.515.760	-	622.651.804.203	(226.051.160.754)	396.600.643.449
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	-	142.685.990.025	142.685.990.025	-	142.685.990.025
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>12.809.161.929</b>	<b>381.830.756.794</b>	<b>160.491.588.397</b>	<b>10.225.404.561</b>	<b>1.017.376.762</b>	<b>56.277.515.760</b>	<b>142.685.990.025</b>	<b>765.337.794.228</b>	<b>(226.051.160.754)</b>	<b>539.286.633.474</b>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Kinh doanh vật liệu xây dựng	Sản xuất, kinh doanh bê tông	Thi công công trình xây dựng	Sản xuất, gia công sản phẩm cơ khí	Thi công cơ giới	Kinh doanh bất động sản	Không phân bổ	Tổng cộng các bộ phận	Loại trừ giao dịch giữa các bộ phận	Tổng cộng các bộ phận sau hợp nhất
<b>Năm 2018</b>										
Doanh thu thuần bộ phận	85.635.822.261	727.082.795.127	393.410.448.196	26.560.028.636	120.677.118	55.459.135.206	-	1.288.268.906.544	(331.581.718.329)	956.687.188.215
Giá vốn bộ phận	76.518.781.550	585.587.531.523	374.308.874.879	23.563.458.525	155.949.182	(723.716.211)	-	1.059.410.879.448	(329.375.745.863)	730.035.133.585
Chi phí bán hàng	6.390.419.488	79.949.834.496	-	-	-	1.114.819.972	-	87.455.073.956	-	87.455.073.956
Chi phí quản lý doanh nghiệp	702.803.591	16.674.829.105	13.884.259.133	1.502.960.459	165.000	3.238.454.628	-	36.003.471.916	(11.736.882)	35.991.735.034
<b>Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>2.023.817.632</b>	<b>44.870.600.003</b>	<b>5.217.314.184</b>	<b>1.493.609.652</b>	<b>(35.437.064)</b>	<b>51.829.576.817</b>	<b>-</b>	<b>105.399.481.224</b>	<b>(2.194.235.584)</b>	<b>103.205.245.640</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	1.812.015	4.760.936.464	23.097.832	1.110.554	22.624	669.967	46.425.377.783	51.213.027.239	(43.127.638.223)	8.085.389.016
Chi phí tài chính	130.748.360	11.824.905.863	343.157.626	47.156.165	-	-	3.243.497.030	15.589.465.044	(978.473.514)	14.610.991.530
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	-	-	-	-	-	-	-	-	111.979.865	111.979.865
Thu nhập khác	-	272.720.098	1.957.915.059	323.141.352	-	185.608.993	-	2.739.385.502	-	2.739.385.502
Chi phí khác	35.420	99.765.560	176.532.215	10.784.662	-	208.169.232	-	495.287.089	-	495.287.089
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>1.894.845.867</b>	<b>37.979.585.142</b>	<b>6.678.637.234</b>	<b>1.759.920.731</b>	<b>(35.414.440)</b>	<b>51.807.686.545</b>	<b>43.181.880.753</b>	<b>143.267.141.832</b>	<b>(44.231.420.428)</b>	<b>99.035.721.404</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	324.945.128	3.225.615.555	2.195.027.922	360.141.064	-	10.921.775.296	-	17.027.504.965	-	17.027.504.965
Chi phí (thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	401.570.898	-	-	307.671.892	3.015.530.704	3.724.773.494	(230.543.020)	3.494.230.474
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>1.569.900.739</b>	<b>34.753.969.587</b>	<b>4.082.038.414</b>	<b>1.399.779.667</b>	<b>(35.414.440)</b>	<b>40.578.239.357</b>	<b>40.166.350.049</b>	<b>122.514.863.373</b>	<b>(44.000.877.408)</b>	<b>78.513.985.965</b>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	Kinh doanh vật liệu xây dựng	Sản xuất, kinh doanh bê tông	Thi công công trình xây dựng	Sản xuất, gia công sản phẩm cơ khí	Thi công cơ giới	Kinh doanh bất động sản	Không phân bổ	Tổng cộng các bộ phận	Loại trừ giao dịch giữa các bộ phận	Tổng cộng các bộ phận sau hợp nhất
<b>Năm 2017</b>										
Doanh thu thuần bộ phận	61.281.148.481	669.606.764.973	305.015.145.042	25.851.874.876	6.306.814.466	91.897.618.681	-	1.159.959.366.519	(250.105.762.048)	909.853.604.471
Giá vốn bộ phận	54.198.106.130	529.732.885.998	290.225.812.597	22.530.899.313	5.584.397.964	29.859.845.690	-	932.131.947.692	(248.564.019.851)	683.567.927.841
Chi phí bán hàng	4.673.368.493	62.353.544.047	-	-	-	1.013.968.356	-	68.040.880.896	-	68.040.880.896
Chi phí quản lý doanh nghiệp	761.102.181	18.840.931.346	13.335.319.276	1.315.384.796	735.148.727	6.894.926.047	9.729.136.690	51.611.949.063	(2.000.000.000)	49.611.949.063
<b>Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>1.648.571.677</b>	<b>58.679.403.582</b>	<b>1.454.013.169</b>	<b>2.005.590.767</b>	<b>(12.732.225)</b>	<b>54.128.878.588</b>	<b>(9.729.136.690)</b>	<b>108.174.588.868</b>	<b>458.257.803</b>	<b>108.632.846.671</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	1.077.691	4.595.797.920	125.127.168	2.007.846	751.588	854.713	66.812.846.440	71.538.463.366	(61.584.029.815)	9.954.433.551
Chi phí tài chính	395.212.477	6.365.743.302	184.941.920	-	-	-	2.705.557.468	9.651.455.167	(2.025.155.297)	7.626.299.870
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết								-	87.023.061	87.023.061
Thu nhập khác	-	628	2.876.404.038	27.959.227	-	124.176.782	-	3.028.540.675	-	3.028.540.675
Chi phí khác	190.577	27.190.739	3.755.288.154	6.004.744	-	23.238.386	-	3.811.912.600	-	3.811.912.600
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>1.254.246.314</b>	<b>56.882.268.089</b>	<b>515.314.301</b>	<b>2.029.553.096</b>	<b>(11.980.637)</b>	<b>54.230.671.697</b>	<b>54.378.152.282</b>	<b>169.278.225.142</b>	<b>(59.013.593.654)</b>	<b>110.264.631.488</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	3.421.110.458	1.989.289.221	414.311.568	-	12.520.828.881	-	18.345.540.128	-	18.345.540.128
Chi phí (thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	1.093.610.598	(850.951.262)	-	-	136.351.090	(10.411.372)	368.599.054	(276.791.603)	91.807.451
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>1.254.246.314</b>	<b>52.367.547.033</b>	<b>(623.023.658)</b>	<b>1.615.241.528</b>	<b>(11.980.637)</b>	<b>41.573.491.726</b>	<b>54.388.563.654</b>	<b>150.564.085.960</b>	<b>(58.736.802.051)</b>	<b>91.827.283.909</b>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

#### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

##### *Bộ phận theo khu vực địa lý*

Hoạt động kinh doanh của Công ty đều diễn ra ở 2 khu vực là tỉnh An Giang và tỉnh Tiền Giang:

- Hoạt động kinh doanh tại tỉnh An Giang là hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TICCO An Giang (công ty con cấp 1 trước ngày 5 tháng 4 năm 2018);
- Hoạt động kinh doanh tại tỉnh Tiền Giang là hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, Xí nghiệp trực thuộc, các công ty con cấp 1 (Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO, Công ty Cổ phần Xây dựng TICCO, Công ty TNHH MTV Xây dựng Thủy lợi TICCO, Công ty TNHH MTV Cơ khí Công trình TICCO và Công ty TNHH MTV Vật liệu xây dựng TICCO) và công ty con cấp 2 (Công ty TNHH MTV Cọc TICCO).

Dưới đây là phân tích doanh thu thuần của Công ty theo khu vực địa lý, không tính đến xuất xứ của hàng hóa, dịch vụ.

	Năm 2018			Năm 2017		
	Doanh thu thuần khu vực địa lý	Loại trừ giao dịch nội bộ	Doanh thu thuần khu vực địa lý sau hợp nhất	Doanh thu thuần khu vực địa lý	Loại trừ giao dịch nội bộ	Doanh thu thuần khu vực địa lý sau hợp nhất
Tỉnh An Giang	-	-	-	15.207.066.622	(989.150.000)	14.217.916.622
Tỉnh Tiền Giang	1.288.268.906.544	(331.581.718.329)	956.687.188.215	1.144.752.299.897	(249.116.612.048)	895.635.687.849
<b>Cộng</b>	<b>1.288.268.906.544</b>	<b>(331.581.718.329)</b>	<b>956.687.188.215</b>	<b>1.159.959.366.519</b>	<b>(250.105.762.048)</b>	<b>909.853.604.471</b>

Dưới đây là phân tích về giá trị còn lại của các tài sản bộ phận tăng tài sản cố định hữu hình, vô hình và bất động sản đầu tư theo khu vực địa lý, nơi đặt các tài sản đó.

	Giá trị còn lại của tài sản theo khu vực địa lý					
	31/12/2018			31/12/2017		
	Số dư tài sản khu vực địa lý	Loại trừ số dư nội bộ	Số dư tài sản khu vực địa lý sau hợp nhất	Số dư tài sản khu vực địa lý	Loại trừ số dư nội bộ	Số dư tài sản khu vực địa lý sau hợp nhất
Tỉnh An Giang	-	-	-	4.833.211.906	(722.138.818)	4.111.073.088
Tỉnh Tiền Giang	324.432.131.882	(12.699.258.085)	311.732.873.797	188.919.340.547	(5.459.561.502)	183.459.779.045
<b>Cộng</b>	<b>324.432.131.882</b>	<b>(12.699.258.085)</b>	<b>311.732.873.797</b>	<b>193.752.552.453</b>	<b>(6.181.700.320)</b>	<b>187.570.852.133</b>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	<b>Tăng tài sản</b>					
	<b>Năm 2018</b>			<b>Năm 2017</b>		
	<b>Tăng tài sản theo khu vực địa lý</b>	<b>Loại trừ giao dịch nội bộ</b>	<b>Tăng tài sản theo khu vực địa lý sau hợp nhất</b>	<b>Tăng tài sản theo khu vực địa lý</b>	<b>Loại trừ giao dịch nội bộ</b>	<b>Tăng tài sản theo khu vực địa lý sau hợp nhất</b>
Tỉnh An Giang	-	-	-	-	40.909.091	40.909.091
Tỉnh Tiền Giang	177.714.502.692	(13.539.843.704)	164.174.658.988	117.482.666.572	(4.264.059.827)	113.218.606.745
<b>Cộng</b>	<b>177.714.502.692</b>	<b>(13.539.843.704)</b>	<b>164.174.658.988</b>	<b>117.482.666.572</b>	<b>(4.223.150.736)</b>	<b>113.259.515.836</b>

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 4. Công cụ tài chính

##### Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay và nợ như đã trình bày tại Thuyết minh số V.21 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu, quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

##### *Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	<u>31/12/2018</u>	<u>31/12/2017</u>
Các khoản vay	286.311.145.227	249.409.257.682
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	<u>(109.323.886.902)</u>	<u>(130.922.245.694)</u>
Nợ thuần	176.987.258.325	118.487.011.988
Vốn chủ sở hữu	342.775.993.626	317.352.347.991
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b><u>52%</u></b>	<b><u>37%</u></b>

##### Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.6.

##### Các loại công cụ tài chính

	<u>31/12/2018</u>		<u>31/12/2017</u>	
	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	109.323.886.902	109.323.886.902	130.922.245.694	130.922.245.694
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	26.592.416.913	26.592.416.913	60.495.118.187	60.495.118.187
Phải thu của khách hàng	224.272.457.923	224.272.457.923	199.980.654.383	199.980.654.383
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	2.125.217.631	2.125.217.631	3.052.783.288	3.052.783.288
Phải thu khác	21.494.712.667	21.494.712.667	18.712.547.524	18.712.547.524
<b>Cộng</b>	<b><u>383.808.692.036</u></b>	<b><u>383.808.692.036</u></b>	<b><u>413.163.349.076</u></b>	<b><u>413.163.349.076</u></b>

##### Nợ phải trả tài chính

Phải trả người bán	160.651.273.194	160.651.273.194	114.346.991.599	114.346.991.599
--------------------	-----------------	-----------------	-----------------	-----------------

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

#### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	31/12/2018		31/12/2017	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
Chi phí phải trả	40.246.800.588	40.246.800.588	49.756.040.411	49.756.040.411
Phải trả khác	4.046.190.655	4.046.190.655	13.508.358.705	13.508.358.705
Các khoản vay	286.311.145.227	286.311.145.227	249.409.257.682	249.409.257.682
<b>Cộng</b>	<b>491.255.409.664</b>	<b>491.255.409.664</b>	<b>427.020.648.397</b>	<b>427.020.648.397</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý. Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính như sau:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng, phải thu của khách hàng, phải thu khác, phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác và các khoản vay tương đương với giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi) của các khoản mục này do các công cụ này có kỳ ngắn hạn.
- Đối với các tài sản tài chính và công nợ tài chính mà không đủ thông tin thị trường để xác định giá trị hợp lý tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất, giá trị ghi sổ của các khoản mục này được thể hiện thay cho giá trị hợp lý.

#### **Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro ngoại tệ (rủi ro tỷ giá), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

#### **Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ (rủi ro tỷ giá), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá.

Công ty đã thực hiện đánh giá một cách thận trọng các rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh và cho rằng Công ty không có rủi ro trọng yếu nào liên quan đến sự biến động của tỷ giá.

#### **Quản lý rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản vay.

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay, hoạt động đầu tư hợp tác kinh doanh và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

#### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của các công cụ tài chính có ảnh hưởng của rủi ro lãi suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	<u>31/12/2018</u>	<u>31/12/2017</u>
<b>Tài sản tài chính</b>	<b>93.338.160.834</b>	<b>156.232.500.429</b>
Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	93.338.160.834	156.232.500.429
<b>Nợ phải trả tài chính</b>	<b>286.311.145.227</b>	<b>249.409.257.682</b>
Các khoản vay	286.311.145.227	249.409.257.682
<b>Tài sản (nợ phải trả) tài chính thuần</b>	<b><u>(192.972.984.393)</u></b>	<b><u>(93.176.757.253)</u></b>

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay có lãi suất thả nổi tăng/giảm 1% thì lợi nhuận trước thuế của Công ty trong kỳ sẽ giảm/tăng tương ứng là 1.929.729.844 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 931.767.573 VND).

#### Quản lý rủi ro về giá

Rủi ro về giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của hàng hóa (vật liệu xây dựng) và bất động sản sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

#### Quản lý về rủi ro về giá hàng hóa, nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa, nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro hàng hóa bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch kinh doanh và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

#### Rủi ro về giá bất động sản

Hoạt động kinh doanh bất động sản của Công ty chủ yếu là đầu tư các dự án khu dân cư thuộc tỉnh Tiền Giang, nên phụ thuộc nhiều vào thị trường bất động sản. Trong năm, tình hình kinh doanh bất động sản tuy đã hoạt động sôi động và nhu cầu của nhà đầu tư cũng tăng theo, tuy nhiên hiện tại thị trường có nhiều dự án bất động sản, nhà đầu tư đã thận trọng hơn trong việc lựa chọn, thẩm định các dự án,.... do đó một số dự án bất động sản của Công ty vẫn còn tồn tại ngày kết thúc kỳ kế toán với tổng giá trị 112.323.371.393 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 68.196.553.807 VND), trong đó dự án Khu Dân cư Nguyễn Trãi đang trong giai đoạn đền bù giải tỏa với giá trị 99.602.289.548 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 33.957.743.916 VND).

#### Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất, kinh doanh (phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng).

#### Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu trả trước, trả tiền ngay hoặc thanh toán theo tiến độ thực hiện hợp đồng và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đốc thu hồi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập Báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng quá hạn, khó đòi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

#### Tiền gửi ngân hàng

Tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

#### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

##### *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<b>Trong vòng 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm đến 5 năm</b>	<b>Trên 5 năm</b>	<b>Cộng</b>
<b>31/12/2018</b>				
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	109.323.886.902	-	-	109.323.886.902
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	19.576.447.726	7.015.969.187	-	26.592.416.913
Phải thu của khách hàng	224.272.457.923	-	-	224.272.457.923
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	2.125.217.631	-	-	2.125.217.631
Phải thu khác	20.723.921.437	770.791.230	-	21.494.712.667
<b>Cộng</b>	<b>376.021.931.619</b>	<b>7.786.760.417</b>	-	<b>383.808.692.036</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Phải trả người bán	160.651.273.194	-	-	160.651.273.194
Chi phí phải trả	40.246.800.588	-	-	40.246.800.588
Phải trả khác	3.468.450.655	493.740.000	84.000.000	4.046.190.655
Các khoản vay	205.880.470.602	78.039.252.625	2.391.422.000	286.311.145.227
<b>Cộng</b>	<b>410.246.995.039</b>	<b>78.532.992.625</b>	<b>2.475.422.000</b>	<b>491.255.409.664</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(34.225.063.420)</b>	<b>(70.746.232.208)</b>	<b>(2.475.422.000)</b>	<b>(107.446.717.628)</b>
<b>31/12/2017</b>				
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản	130.922.245.694	-	-	130.922.245.694

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	<b>Trong vòng 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm đến 5 năm</b>	<b>Trên 5 năm</b>	<b>Cộng</b>
tương đương tiền				
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	37.854.563.187	22.640.555.000	-	60.495.118.187
Phải thu của khách hàng	199.980.654.383	-	-	199.980.654.383
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	3.052.783.288	-	-	3.052.783.288
Phải thu khác	18.606.647.524	105.900.000	-	18.712.547.524
<b>Cộng</b>	<b>390.416.894.076</b>	<b>22.746.455.000</b>	<b>-</b>	<b>413.163.349.076</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Phải trả người bán	114.346.991.599	-	-	114.346.991.599
Chi phí phải trả	49.756.040.411	-	-	49.756.040.411
Phải trả khác	13.283.358.705	141.000.000	84.000.000	13.508.358.705
Các khoản vay	132.744.733.913	116.664.523.769	-	249.409.257.682
<b>Cộng</b>	<b>310.131.124.628</b>	<b>116.805.523.769</b>	<b>84.000.000</b>	<b>427.020.648.397</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>80.285.769.448</b>	<b>(94.059.068.769)</b>	<b>(84.000.000)</b>	<b>(13.857.299.321)</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức thấp, do các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty cao hơn so với tài sản tài chính. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc tin rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

**5. Số liệu so sánh**

Một số số liệu của Báo cáo kỳ trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.

**6. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Theo Nghị quyết số 20/NQ-HĐQT Ngày 14 tháng 3 năm 2019, Hội đồng quản trị Công ty đã quyết định thành lập công ty con với tên gọi là “Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước” do Công ty chủ sở hữu 100% vốn điều lệ là 60.000.000.000 VND. Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước được thành lập theo Phương án tách Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO (công ty con do Công ty chủ sở hữu 100% vốn điều lệ có vốn điều lệ hiện tại là 100.000.000.000 VND). Hoạt động sản xuất, kinh doanh chủ yếu của Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước là sản xuất, kinh doanh bê tông. Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1201602574 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp lần đầu ngày 21 tháng 3 năm 2019.

Ngoài sự kiện nêu trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu cần phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Tiền Giang, ngày 27 tháng 3 năm 2019



**TRẦN HOÀNG HUÂN**  
Tổng Giám đốc

**LÊ MỸ PHƯỢNG**  
Kế toán trưởng

**LÊ MỸ PHƯỢNG**  
Người lập biểu



*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*